

**ĐẠI HỌC HUẾ**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC**

**LƯ THÚY LIÊN**

**SINH KẾ THÍCH ỨNG CỦA CƯ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ**  
**Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG TRONG QUÁ TRÌNH**  
**CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ DÂN TỘC HỌC**

**HUẾ - NĂM 2022**

Công trình được hoàn thành tại: Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học:

1. **TS. Nguyễn Xuân Hồng**, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế
2. **PGS.TS. Trần Xuân Bình**, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Phản biện 1:.....  
.....

Phản biện 2:.....  
.....

Phản biện 3:.....  
.....

Luận án sẽ được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp Đại học Huế họp tại:.....  
.....

Vào.....giờ .....ngày .....tháng.....năm 2022

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Thư viện Quốc gia Việt Nam
2. Thư viện trường Đại học Khoa học Huế

## LỜI MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Nếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) là xu thế của thời đại thì công cuộc giải toả, di dời, tái định cư (TĐC) lại được ngầm định là một quy luật tất yếu của hầu hết các đô thị trên thế giới và ở Việt Nam. Quá trình TĐC có vai trò quan trọng đối với sự phát triển các đô thị, bởi đặc trưng tác động nhiều chiều cũng như mang lại nhiều hệ quả: Tác động đến hệ sinh thái và kinh tế khu vực; Tác động đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng giao thông và hạ tầng an sinh xã hội; tác động đến sự phân bố dân cư và lực lượng lao động; Tác động đến tốc độ tăng trưởng kinh tế và thu nhập, dẫn đến sự phân hóa xã hội; Tác động đến tâm lý, lối sống và các vấn đề an sinh xã hội, ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông, nảy sinh các tệ nạn xã hội,... Như vậy, quá trình TĐC là một vấn đề rất quan trọng, đáng lưu ý, bởi nó vừa là hệ quả vừa là nguyên nhân tác động đến các mặt kinh tế, xã hội và văn hóa của đô thị. Đặc biệt, diện mạo đô thị khởi sắc, cấu trúc đô thị hiện đại, thông minh là những hệ quả thực tế và đáng mong đợi từ công cuộc này.

Dù vậy, việc di dời, giải toả tái định hiện nay thường đang đặt ra nhiều vấn đề và thách thức. Bởi TĐC không đơn giản là việc đưa một bộ phận dân cư từ nơi này sang ở nơi khác mà còn tạo nên nhiều thay đổi vừa đáng khích lệ vừa đáng lo ngại trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội, văn hóa,... của từng cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng trước tác động của quá trình đô thị hóa (ĐTH).

Đà Nẵng là thành phố “đầu tàu” trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có vị trí địa - kinh tế thuận lợi, đầu mối giao thông cả về đường bộ, đường biển, đường không, đường sắt, là cửa ngõ ra biển của Tây Nguyên (qua quốc lộ 14B) và các nước Lào, Campuchia, Thái Lan, Myanma qua tuyến “Hành lang kinh tế Đông - Tây”. Những lợi thế này là cơ sở, tiền đề tạo cho Đà Nẵng phát triển kinh tế và thu hút đầu tư, trở thành trung tâm thương mại - dịch vụ lớn của khu vực và cả nước. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 16/10/2003 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng trong thời kỳ CNH, HĐH đất nước, xác định “phải phấn đấu để trở thành một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp CNH, HĐH và cơ bản trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020”. Trong đó, Chương trình 1 “Đẩy mạnh công tác quy hoạch, tăng cường đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng một cách đồng bộ, xây dựng thành phố theo hướng văn minh, hiện đại”.

Trong tiến trình phát triển đô thị Việt Nam, thành phố Đà Nẵng được đánh giá là địa phương có tốc độ giải tỏa nhanh chóng và mạnh mẽ, với nhiều dự án quy mô và chương trình di dời, TĐC lớn. Nhờ vậy, sau gần 25 năm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (1997-2021), Đà Nẵng mang diện mạo một đô thị trẻ, kết cấu hạ tầng đồng bộ, khang trang và hiện đại. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác, công tác di dời TĐC ở thành phố Đà Nẵng buộc người dân TĐC phải đối mặt với những biến động trực tiếp hoặc gián tiếp trong nhiều vấn đề về kinh tế, xã hội, văn hóa,... trong đó đáng nhấn mạnh là vấn đề sinh kế. Trước những biến động tất yếu đó, mỗi cộng đồng, mỗi nhóm người hay thậm chí mỗi hộ gia đình có những ứng xử khác nhau mang dấu ấn của bản thân, gia đình và cộng đồng. Thích ứng và khả năng thích ứng là một trong những biểu hiện của dấu ấn đó.

Lý thuyết sinh kế và lý thuyết thích ứng được nhiều nhà khoa học dày công đầu tư trong nhiều thập kỷ qua. Tuy nhiên, từ hai lý thuyết đó để phân tích, đánh giá nội dung sinh kế thích ứng cho đến nay vẫn còn hạn chế.

Nghiên cứu, đánh giá sự thích ứng về sinh kế của các hộ dân sau TĐC bởi quá trình ĐTH ở Đà Nẵng là rất quan trọng và cần thiết, cung cấp dữ liệu sâu rộng và thấu đáo về sự thích ứng sinh kế của cư dân TĐC ở Đà Nẵng. Đây là cơ sở khoa học và thực tiễn để tư vấn cho chính quyền thành phố những chính sách để người dân tái định cư có sinh kế tốt hơn, bền vững hơn, góp phần thực hiện Nghị quyết 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: “phát triển thành phố Đà Nẵng theo hướng đô thị sinh thái, hiện đại, thông minh, mang tầm quốc tế và có bản sắc riêng; phát triển kinh tế nhanh và bền vững, coi việc nâng chất lượng cuộc sống của người dân đạt ở mức cao là nhiệm vụ trung tâm; tập trung phát triển 3 trụ cột chính: Du lịch, công nghiệp công nghệ cao và kinh tế biển; bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền biển, đảo, trật tự, an toàn xã hội”.

Xuất phát từ những lý do như trên, tôi đã lựa chọn đề tài “Sinh kế thích ứng của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng trong quá trình CNH, HĐH” làm luận án nghiên cứu sinh.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

### **2.1. Mục đích nghiên cứu**

Từ kết quả nghiên cứu dân tộc học, tập trung xem xét các hoạt động sinh kế sau TĐC, luận án đi sâu đánh giá, phân tích sinh kế thích ứng, từ

đó đánh giá khả năng thích ứng về sinh kế của các hộ dân sau TĐC, tạo cơ sở thực tiễn và căn cứ khoa học cho việc gợi mở động thái gia tăng tính thích ứng trong sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

## **2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa lý thuyết về sinh kế và thích ứng;
- Đánh giá công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá trình tái định cư và chuyển đổi hoạt động sinh kế của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng;
- Phân tích sinh kế thích ứng của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng;
- Nhận định khả năng thích ứng và gợi mở một số động thái gia tăng tính thích ứng trong sinh kế cho người dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

### **3.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu của luận án là sinh kế thích ứng của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng thể hiện cụ thể qua hai đối tượng, một là các nguồn vốn sinh kế sau TĐC, hai là hoạt động sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng. Bảy quận/huyện này chiếm gần hết đơn vị hành chính cấp huyện của thành phố Đà Nẵng, 01 huyện còn lại là huyện đảo Hoàng Sa không được đưa vào không gian nghiên cứu vì đây là huyện mang tính chất đặc thù, chưa diễn ra quá trình giải tỏa, TĐC.

### **3.2. Phạm vi nghiên cứu**

- Về không gian: Nghiên cứu sinh kế thích ứng của cư dân TĐC sinh sống ở các khu TĐC trên địa bàn thành phố Đà Nẵng ở các quận/huyện: quận Hải Châu, quận Thanh Khê, quận Sơn Trà, quận Cẩm Lệ, quận Ngũ Hành Sơn, quận Liên Chiểu và huyện Hòa Vang.
- Về thời gian: Từ 1997 đến năm 2020. Năm 1997 là thời điểm Đà Nẵng trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, mở ra quá trình ĐTH mạnh mẽ. Năm 2020 là thời điểm Đà Nẵng hoàn thành kế hoạch, chiến lược... 5 năm, 10 năm.

## **4. Nguồn tư liệu nghiên cứu**

- Để thực hiện luận án, tác giả sử dụng các nguồn tư liệu chính như sau:
- Nguồn tư liệu thành văn của các nhà khoa học trong và ngoài nước liên quan đến đề tài bao gồm các sách, báo, tạp chí, các văn bản pháp luật của trung ương và thành phố Đà Nẵng,...
  - Nguồn tư liệu thu thập được trong quá trình điền dã ĐTH, bao gồm tư liệu mô tả, quan sát, phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm, khảo sát bằng bảng hỏi.

## **5. Đóng góp của luận án**

### **5.1. Đóng góp về mặt khoa học**

Luận án góp phần bổ sung, làm rõ lý thuyết về sinh kế, đặc biệt là sinh kế thích ứng, đây là vấn đề cho còn nhiều tranh luận và khác biệt về quan điểm. Bên cạnh đó, luận án cung cấp tư liệu thực tiễn về sinh kế thích ứng của cư dân TĐC trong quá trình CNH, HĐH tại một địa bàn cụ thể.

### **5.2. Đóng góp về mặt thực tiễn**

- Luận án đưa ra các cơ sở khoa học và thực tiễn giúp cho các nhà quản lý, nhà hoạch định chính sách có thêm căn cứ để điều chỉnh những chính sách và giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến TĐC trong quá trình CNH, HĐH ở thành phố Đà Nẵng.

- Luận án góp phần giúp cho cộng đồng cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng có những điều chỉnh để thích ứng với môi trường mới.

- Luận án này có thể được sử dụng như là/làm tài liệu tham khảo hữu ích phục vụ công tác nghiên cứu, giảng dạy cho cán bộ và sinh viên trường đại học.

## **6. Bố cục của luận án**

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính của luận án được thể hiện trong 4 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu, cơ sở lý luận, phương pháp và khái quát địa bàn nghiên cứu.

Chương 2: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi hoạt động sinh kế của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng.

Chương 3: Sinh kế thích ứng sau tái định cư ở thành phố Đà Nẵng.

Chương 4: Khả năng thích ứng và gợi ý một số động thái gia tăng khả năng thích ứng trong sinh kế của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng.

# CHƯƠNG 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU, CƠ SỞ LÝ THUYẾT, PHƯƠNG PHÁP VÀ ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

#### 1.1.1. Tình hình nghiên cứu trên thế giới

##### 1.1.1.1. Nhóm nghiên cứu về mối quan hệ giữa sinh kế và TĐC

Mối quan hệ giữa sinh kế và TĐC là chủ đề thu hút khá nhiều sự quan tâm của các học giả, nhà nghiên cứu trên thế giới, trong đó có thể kể đến một số hướng tiếp cận nghiên cứu chủ yếu sau: Hướng nghiên cứu chú trọng những yếu tố thay đổi sau TĐC, xác định những thay đổi có nguyên nhân từ việc TĐC và chỉ ra cách mà người dân địa phương giải quyết sự thay đổi đó của Maruyama (2003); Hướng nghiên cứu, đánh giá tác động của TĐC đến sinh kế và dân số của Bisrat Worku (2011); Hướng nghiên cứu về tác động của TĐC đến sinh kế và an ninh lương thực, nguồn vốn thiên nhiên, chú ý đến sự tác động gián tiếp đối với người dân bản địa sống lâu đời trên vùng đất được bố trí TĐC của Moti Jaleta (2011)...

Những nghiên cứu này thông qua dữ liệu sơ cấp và thứ cấp đã đánh giá được tác động của TĐC đến cả sinh kế lẫn các mối quan hệ xã hội của cộng đồng TĐC. Các nghiên cứu nhận định, đa phần sau TĐC đời sống người dân thấp, họ phải rất chật vật trong sinh kế của mình, để từ đó đưa ra nhiều giải pháp thiết thực. Tuy nhiên, những công trình này không có những thao tác mô tả các hoạt động sinh kế thích ứng của người dân TĐC nên chưa xác định được trước hoàn cảnh mới, người dân TĐC đã có sinh kế thích ứng gì và xu hướng phát triển của chúng như thế nào.

##### 1.1.1.2. Nhóm nghiên cứu về sinh kế thích ứng

Nghiên cứu về sinh kế thích ứng được thực hiện ở nhiều châu lục trên thế giới, ở châu Á, châu Âu, châu Phi và Mỹ,... Tuy nhiên phần lớn những nghiên cứu này tập trung nghiên cứu về thích ứng trước biến đổi khí hậu. Về sinh kế thích ứng do CNH, HĐH, có thể kể đến một số nghiên cứu của các tác giả như Mihret Jember Bahry (2010), Sinavong Phonevilay (2013), Ryo Fujikura và Mikiyasu Nakayama (2019)...

#### 1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở Việt Nam

##### 1.1.2.1. Nhóm nghiên cứu về mối quan hệ giữa sinh kế và TĐC

Mối quan hệ giữa sinh kế và TĐC cũng là chủ đề thu hút khá nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ở Việt Nam, trong đó có thể kể

đến một số hướng tiếp cận nghiên cứu chur yeeus gồm:- Hướng nghiên cứu về sinh kế sau TĐC do tác động của quá trình CNH - HĐH ở đô thị; Hướng nghiên cứu về sinh kế sau TĐC do tác động của quá trình CNH – HĐH ở nông thôn và ven đô, Hướng nghiên cứu về sinh kế sau TĐC do tác động của quá trình CNH – HĐH ở miền núi, ven biển và ở vùng xây dựng thủy điện

- Nghiên cứu sinh kế sau TĐC do tác động của ĐTH ở đô thị chủ yếu là những nghiên cứu xã hội học theo hướng xã hội học đô thị. Đây là hướng nghiên cứu đóng góp nhiều trong điều tra xã hội học, cho ra những kết quả thiết thực. Tuy nhiên, nhóm các công trình nghiên cứu này không chú trọng đến việc tìm kiếm, mô tả sinh kế thích ứng mà tập trung vào thực trạng đời sống của người dân sau TĐC.

- Nghiên cứu về sinh kế sau TĐC do tác động ĐTH ở nông thôn và ven đô khá phong phú, đóng góp về mặt lý thuyết, phương pháp nghiên cứu lẫn thực tiễn, lý giải về ĐTH, CNH trong mối quan hệ với sinh kế, các nhân tố ảnh hưởng đến việc làm, các hướng giải quyết sinh kế cho người dân hậu TĐC,... Tuy nhiên, các công trình này có sự hạn chế về đối tượng nghiên cứu, khi chỉ tập trung đến các hộ nông dân và không đặt mục tiêu đối sánh với các loại hộ khác.

- Nghiên cứu sinh kế sau TĐC do tác động của ĐTH ở miền núi và nghiên cứu về sinh kế sau TĐC do tác động của dự án thủy điện tập trung phân tích các nguồn lực sinh kế và sinh kế sau TĐC, đề ra các phương án phục hồi sinh kế, dù không trực tiếp nhưng ít nhiều có đề cập đến sinh kế thích ứng gắn với nguồn lực sinh kế và giải pháp cho những vấn đề hậu TĐC.

#### *1.1.2.2. Nhóm nghiên cứu sinh kế thích ứng*

Sinh kế là vấn đề cốt lõi và cơ bản nhất của cư dân sau TĐC, tuy nhiên cho đến nay, các nghiên cứu tập trung phần lớn nghiên cứu vào biến đổi sinh kế và sinh kế bền vững. Số lượng nghiên cứu về chủ đề sinh kế thích ứng còn khá khiêm tốn và rải rác, có thể kể đến một số nghiên cứu của Nguyễn Gia Đồi, Nguyễn Anh Tuấn, Lê Hải Đăng (2012) với bài viết “Môi trường và thích ứng của người thời tiền sử ở khu vực Tràng An”; Nghiên cứu sinh kế thích ứng trước biến đổi khí hậu của tổ chức Oxfam tại hai tỉnh Bến Tre và Quảng Trị vào tháng 5/2008, về cuộc sống của các gia đình nghèo đối phó với thiên tai, lũ lụt như là những hoạt động sinh kế thích ứng: cách thu hoạch vụ lúa trước mùa lũ chính; không trồng sắn trong mùa lũ và trồng thêm cây gần sông để phòng hộ tốt hơn; xây dựng và bảo dưỡng các hệ thống



thủy lợi nhỏ hoặc các hệ thống đê kè nhằm bảo vệ ruộng lúa khi lũ về; trồng các loại giống lúa khác hoặc hoa màu thay thế,...; Hoàng Ngọc Tường Vân (2013) với bài viết “Mô hình sinh kế thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng trũng thấp ở tỉnh Thừa Thiên Huế” ; Ngô Thị Phương Lan (2014) với nghiên cứu “Từ lúa sang tôm: Hành vi giảm thiểu rủi ro và khai thác vốn xã hội của nông dân vùng đồng bằng sông Cửu Long”.

Trong khi các nghiên cứu về sinh kế nói chung tương đối phong phú, những nghiên cứu về sinh kế thích ứng, đặc biệt là vấn đề thích ứng trước những tác động của xã hội lại khá khiêm tốn và còn thiếu chuyên sâu. Một số công trình nghiên cứu về sinh kế thích ứng sau TĐC như nghiên cứu của Oxfam, Ngô Thị Phương Lan, Hoàng Ngọc Tường Vân, Đỗ Thị Năng, Nguyễn Văn Ga,... đã phần nào thể hiện được bức tranh chuyển đổi sinh kế sau TĐC. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chủ yếu đề cập điều kiện tác động mà ít chú trọng hướng đến đối tượng là người dân TĐC vốn mang trong mình những đặc điểm tổn thương riêng biệt. Một số nghiên cứu chỉ chú trọng đề xuất mô hình sinh kế thích ứng trên cơ sở thực trạng đời sống, môi trường của người dân cho cơ quan có thẩm quyền tham khảo và vận dụng, mà ít chú ý tìm hiểu sinh kế thích ứng tiềm tàng của các hộ TĐC.

### ***1.1.3. Những kết quả luận án kế thừa và các vấn đề đặt ra cần giải quyết***

#### ***1.1.3.1. Những kết quả luận án kế thừa***

Tổng quan những nghiên cứu liên quan đến vấn đề Sinh kế thích ứng của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng trong quá trình CNH, HĐH cho thấy sự đa dạng, phong phú trong những nghiên cứu liên quan này. Mỗi bài viết, mỗi công trình đứng dưới những góc độ khác nhau để giải quyết vấn đề, gợi mở nhiều ý tưởng để luận án kế thừa và phát triển. Hầu hết các tiếp cận nghiên cứu về sinh kế chủ yếu dựa theo khung sinh kế bền vững [25]. Đây cũng là hướng tiếp cận chủ đạo của các tổ chức phi chính phủ (NGO) tại Việt Nam trong việc xóa đói giảm nghèo trong nhiều thập kỷ qua, với cam kết và khẳng định là cần phải xây dựng các giải pháp để duy trì và đảm bảo sinh kế bền vững. Trong những thập niên qua, Ngân hàng thế giới tiếp cận và xây dựng chương trình giảm nghèo với kế hoạch hành động, chính sách được nghiên cứu và điều chỉnh theo hướng bền vững, ưu tiên các cộng đồng đối tượng yếu thế, chịu nhiều tác động.

Những nghiên cứu được đề cập đã cung cấp cho NCS không ít thông tin, dữ liệu để phục vụ cho luận án của mình. Trước hết, chúng không những cung cấp nguồn tư liệu đa dạng, phong phú cho luận án mà còn gợi mở nhiều ý tưởng, cách tiếp cận nghiên cứu cho NCS trong quá trình thực hiện luận án. Rõ ràng nhất, luận án sẽ kế thừa về mặt lý thuyết, công cụ, phương pháp tiếp cận sinh kế của Oxfam Anh, UNDP, WB,... Nội dung này được vừa được thể hiện trong những tài liệu của các tổ chức này, vừa được thể hiện trong các tài liệu nghiên cứu vận dụng đã được luận án đề cập ở trên. Ngoài ra, luận án còn kế thừa một số thông tin, số liệu từ các nghiên cứu ở Việt Nam, đặc biệt là tại địa phương Đà Nẵng, làm căn cứ để so sánh, đối chiếu nhằm phát hiện ra bản chất của vấn đề nghiên cứu.

### *1.1.3.2. Các vấn đề đặt ra cần giải quyết*

Trên cơ sở những kế thừa trên, với vai trò là một vấn đề bức thiết và có yêu cầu khoa học cao, luận án Sinh kế thích ứng của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng trong quá trình CNH, HĐH đòi hỏi NCS phải có sự dày công tìm tòi, nghiên cứu, giải quyết các vấn đề đặt ra sau:

- Nghiên cứu cơ sở lý luận về sinh kế thích ứng bao gồm khái niệm sinh kế thích ứng, cấu trúc của sinh kế thích ứng. Nội dung này hiện nay chưa được đề cập với tư cách là một nội dung trọng tâm trong các nghiên cứu đã được đề cập ở trên.

- Nghiên cứu cấu trúc sinh kế thích ứng của cư dân TĐC Đà Nẵng trước quá trình CNH, HĐH. Trong bối cảnh CNH, HĐH ở thành phố Đà Nẵng đã và đang diễn ra mạnh mẽ ở nhiều thập kỷ qua, nghiên cứu cấu trúc sinh kế thích ứng sẽ vẽ nên bức tranh sinh kế thích ứng của cư dân sau TĐC ở thành phố Đà Nẵng, từ đó tạo nền tảng, cơ sở để đánh giá khả năng thích ứng trong sinh kế của nhóm cư dân này.

- Gợi mở một số động thái nhằm nâng cao tính thích ứng trong sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

## **1.2. Một số khái niệm, lý thuyết liên quan đến vấn đề nghiên cứu**

### **1.2.1. Khái niệm**

Trong phần này, trước khi đi vào trình bày, luận giải các lý thuyết sẽ được áp dụng trong đề tài, luận án tiếp cận một số khái niệm về: sinh kế, sinh kế bền vững, nguồn lực sinh kế, thích ứng, sinh kế thích ứng, tái định cư, công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

### **1.2.2. Lý thuyết**

Với mục tiêu của công trình nghiên cứu, luận án chủ yếu sử dụng thuyết trường, tập tính và vốn của Pierre Bourdieu (1930 – 2002), lý thuyết sinh kế của DFID và lý thuyết, quan điểm thích ứng của Holling (1996) và của Linda Hutcheon (2006).

**1.2.3. Khung phân tích:** Khung phân tích được sơ đồ hóa dựa trên thực tiễn sinh kế sau TĐC ở thành phố Đà Nẵng và thuyết trường, tập tính và vốn của Pierre Bourdieu (1930 - 2002), lý thuyết sinh kế của DFID và lý thuyết, quan điểm thích ứng của Holling (1996) và của Linda Hutcheon (2006).

### **1.3. Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng các phương pháp: Phương pháp thu thập tư liệu thành văn; Phương pháp điền dã Dân tộc học; Phương pháp so sánh đối chiếu; Phương pháp phân tích và tổng hợp; Phương pháp định tính và định lượng.

### **1.4. Khái quát địa bàn nghiên cứu**

#### **1.4.1. Điều kiện tự nhiên**

Thành phố Đà Nẵng gồm vùng đất liền và vùng quần đảo trên biển Đông, có diện tích tự nhiên là 1.283,42 km<sup>2</sup>, trong đó, các quận nội thành có diện tích 241,51 km<sup>2</sup>, các huyện ngoại thành có diện tích 1.041,91 km<sup>2</sup>. Đà Nẵng có địa hình đa dạng, bao gồm đồng bằng, núi, sông, biển, đồng thời là khu vực giàu tiềm năng nước mặt, với nhiều hệ thống sông lớn như sông Hàn, sông Cầu Đỏ, sông Túy Loan, sông Yên, sông Vu Gia, sông Cu Đê,...

#### **1.4.2. Tình hình kinh tế - xã hội**

Ngày 1/1/1997, thành phố Đà Nẵng chia tách khỏi tỉnh Quảng Nam, chính thức trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, theo Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10, ngày 6/11/1996. Đơn vị hành chính trực thuộc thành phố lúc này gồm 5 quận là Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Ngũ Hành Sơn, Liên Chiểu và 2 huyện là Hòa Vang và Hoàng Sa. với vị trí trung độ của đất nước, Đà Nẵng có vai trò trọng yếu cả về kinh tế, xã hội, quốc phòng và an ninh, được đánh giá là nơi hội tụ các yếu tố tự nhiên, kinh tế và văn hóa đối với sự phát triển. Trong giai đoạn xây dựng và phát triển thành phố sau hòa bình, trải qua nhiều lần tách nhập, thay đổi tên gọi và chức năng, đến nay, thành phố tiếp tục được chọn là “trung tâm công nghiệp, thương mại và dịch vụ của miền Trung”.

## CHƯƠNG 2

### CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA VÀ QUÁ TRÌNH TÁI ĐỊNH CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

#### **2.1. Công nghiệp hóa hiện đại hóa ở thành phố Đà Nẵng**

##### **2.1.1 Bối cảnh thành phố Đà Nẵng tiến hành CNH, HĐH**

Thành phố Đà Nẵng tiến hành CNH – HĐH trong bối cảnh CNH-HĐH được nêu lên thành quan điểm từ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và tại Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Năm 1996, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã thông qua đường lối CNH – HĐH. Năm 1996, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII đã thông qua đường lối CNH - HĐH

##### **2.1.2. Đặc điểm quá trình CNH, HĐH ở thành phố Đà Nẵng**

###### **2.1.2.1. Chính sách CNH - HĐH của thành phố Đà Nẵng**

Trở thành thành phố trực thuộc Trung ương đã tạo cho Đà Nẵng những lợi thế và động lực phát triển, thể hiện qua việc thực hiện các Nghị quyết, tạo nhiều chuyên biến tích cực. Đặc biệt là từ Đại hội IX của Đảng năm 2001, thành phố Đà Nẵng đã tranh thủ cơ hội từ bối cảnh của thế giới để tiến hành CNH - HĐH, tích cực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cải thiện môi trường, giải quyết vấn đề an sinh xã hội, trình độ khoa học và công nghệ của thành phố đã có nhiều tiến bộ đưa đến hệ quả là năng suất, chất lượng, hiệu quả của hoạt động kinh tế - xã hội được tăng lên, tăng trưởng kinh tế và mức sống của người dân không ngừng được cải thiện. Sau hơn 15 năm thực hiện Nghị Quyết 33 của Bộ Chính trị, Đà Nẵng đã đạt nhiều thành tựu đạt trong quá trình CNH-HĐH, đã góp phần quan trọng đưa thành phố phát triển toàn diện, được mệnh danh là “Thành phố đáng sống”. Trên nền tảng của những bước phát triển vượt bậc, để đáp ứng những yêu cầu mới gắn với xu thế hội nhập, Trung ương ban hành Nghị quyết mới, Nghị quyết số 43-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 24/01/2019 về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Trong tình hình mới, với mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và khu vực Đông Nam Á, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 359/QĐ-TTg, ngày 15-3-2021, phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

### *2.1.2.2. Quá trình đô thị hóa gắn với CNH, HĐH của thành phố Đà Nẵng*

ĐTH thành phố Đà Nẵng với những đặc điểm về dân số đô thị và diện tích đất đô thị. Các số liệu cho thấy tốc độ ĐTH trong giai đoạn đầu khá mạnh. Sự bùng nổ dân số đô thị Đà Nẵng sau 1997 là do tác động của việc xác lập lại địa giới hành chính, chuyển tên gọi xã thành phường, thay đổi khu vực nông thôn thành thành thị. Đến nay, bộ mặt đô thị lẫn nông thôn của Đà Nẵng đã rất khang trang, tiện nghi và hiện đại. Trong một thời gian không dài, nhưng với chính sách đầu tư đồng bộ đã đem lại cho Đà Nẵng một diện mạo mới

## **2.2. Quá trình tái định cư và các khu tái định cư ở thành phố Đà Nẵng**

### *2.2.1. Quá trình TĐC trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*

Để đảm bảo cho CNH - HĐH, Đà Nẵng liên tục mở rộng không gian đô thị, chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Điều này thể hiện rõ ràng trong quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất. Trong giai đoạn 1997 - 2013, thành phố Đà Nẵng đã 3 lần lập và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất trình Chính phủ xem xét, phê duyệt. Để có quỹ đất, từ năm 1997, Đà Nẵng đã liên tục thực hiện chính sách khai thác, triển khai thực hiện hơn 1.300 dự án, giải tỏa hơn 18.500ha. Mạnh nhất là từ năm 2005 đến nay, thực hiện hơn 1.000 dự án, giải tỏa hơn 13.000 ha, riêng năm 2011, thành phố đã thực hiện 222 dự án.

Việc quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất đã đến số hộ dân phải giải tỏa, di dời khá cao. Trong 1997 - 2012, tổng cộng số hộ dân phải di dời giải tỏa lên đến 90.050 hộ dân, trong đó, số hộ giải tỏa thu hồi đi hẳn là 41.282 hộ, số hộ giải tỏa thu hồi một phần là 21.125 hộ, số hộ giải tỏa đất nông nghiệp và đất lâm nghiệp là 20.333 hộ, và tổng số hộ giải tỏa được bố trí đất TĐC là 35.324 hộ. Thực trạng từ năm 1997 đến nay và dự báo quy hoạch sử dụng đất trong tương lai của thành phố Đà Nẵng cho thấy, có nhiều hộ dân TĐC chịu ảnh hưởng từ các dự án của thành phố, mất đất ở lẫn đất sản xuất.

### *2.2.2. Các khu tái định cư trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*

Ở thành phố Đà Nẵng, hiện có khoảng hơn 40 khu TĐC phân bố trên địa bàn 6 quận huyện. Hầu hết các quận/huyện (trừ huyện đảo Hoàng Sa) của thành phố Đà Nẵng bao gồm quận Hải Châu, quận Cẩm Lệ, quận Liên Chiểu, quận Sơn Trà, quận Ngũ Hành Sơn và huyện Hòa Vang đều diễn ra quá trình giải tỏa, tái định cư với nhiều đợt khác nhau tùy vào tốc độ và đặc điểm công nghiệp hóa - hiện đại

hóa, đô thị hóa của mỗi quận. Trong đó, tại các quận như quận Hải Châu, quận Thanh Khê, quận Sơn Trà diễn ra quá trình giải tỏa, tái định cư sớm hơn so với quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang.

### **2.2.3. Đặc trưng dân cư TĐC ở thành phố Đà Nẵng**

Đối với nhóm các cư dân TĐC được điều tra, ngoài đặc điểm tính cách chung, có một số đặc điểm xã hội và nhân khẩu cơ bản về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, trình độ chuyên môn... Những đặc điểm về độ tuổi, giới tính, trình độ học vấn, chuyên môn đóng vai trò quan trọng trong việc phục hồi, tạo lập sinh kế sau TĐC. Những cư dân có những hạn chế về học vấn hay nữ giới sẽ gặp khó khăn hơn, là đối tượng yếu thế.

### **2.3. Chuyển đổi hoạt động sinh kế của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng**

Lựa chọn sinh kế của cư dân TĐC Đà Nẵng được đặt trong bối cảnh CNH, HĐH và các đặc điểm, đặc trưng dân cư như đã đề cập. Trên cơ sở đó, những cư dân TĐC Đà Nẵng trải nghiệm hoạt động sinh kế mới của mình, trên nền tảng các hoạt động sinh kế trước TĐC. Những hoạt động sinh kế mới ấy thích ứng hay không và thích ứng như thế nào còn chịu sự chi phối bởi nguồn vốn ứng với khu vực sinh sống.

#### **2.3.1. Hoạt động sinh kế trước tái định cư**

Cũng như các tỉnh thành Trung Bộ, hoạt động sinh kế truyền thống của cư dân thành phố Đà Nẵng bao gồm khá đa dạng các ngành nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, thủ công nghiệp, dịch vụ,... trong đó nông nghiệp, ngư nghiệp đóng vai trò quan trọng nhất. Những hoạt động sinh kế của cư dân TĐC thành phố Đà Nẵng trước khi di dời và TĐC bao gồm ba nhóm sau: Hoạt động sinh kế nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của cư dân tái định cư khu vực đô thị mới; Hoạt động sinh kế thương mại, dịch vụ, công nghiệp của cư dân khu vực lõi đô thị; Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề nông nghiệp và ngư nghiệp.

#### **2.3.2. Hoạt động sinh kế sau tái định cư**

Sinh kế là các hoạt động được tiến hành để đảm bảo đời sống, trong thực tế các hoạt động này phong phú và đa dạng hơn rất nhiều. Thực tế điều tra, khảo sát một số khu TĐC ở Đà Nẵng cho thấy ngoài các sinh kế truyền thống đang cố gắng duy trì là nông nghiệp và ngư nghiệp, là các hoạt động sinh kế gắn với dịch vụ, bán hàng, nghề thủ công, nghề xây dựng, xe ôm, giúp việc gia đình, giữ trẻ, giúp việc,

công nhân, thợ cơ khí, sửa chữa xe máy, rửa xe, nghề tự do, thợ “đụng” (việc gì cũng làm)...

Những hoạt động sinh kế của cư dân TĐC thành phố Đà Nẵng sau khi di dời và TĐC bao gồm sáu nhóm sau: Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề nông nghiệp và ngư nghiệp; Hoạt động sinh kế gắn với lao động kỹ thuật và công nhân; Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề thủ công và xây dựng; Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề dịch vụ lắp ráp, vận hành máy móc, thiết bị; Hoạt động sinh kế gắn với buôn bán và cung cấp dịch vụ; Hoạt động sinh kế gắn với công việc giản đơn

## **CHƯƠNG 3**

### **SINH KẾ THÍCH ỨNG CỦA CƯ DÂN Ở CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **3.1. Chủ thể của sinh kế thích ứng**

Cư dân tái định cư Đà Nẵng với vai trò là chủ thể của sinh kế thích ứng, mang trong mình những đặc điểm của những nhóm người bị thu hồi đất và các công trình trên đất, và bị di dời về mặt vật chất. Mặc dù những nhóm người này có sự tương đồng tương đối với nhau về tình trạng biến động trong cuộc sống, tuy nhiên chủ thể tái định cư ở mỗi khu vực tái định cư bao gồm khu vực lõi đô thị, đô thị mới và đô thị ven biển mang đặc điểm về nguồn vốn con người, nguồn vốn xã hội, nguồn vốn tự nhiên, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn tài chính khác nhau.

#### **3.2. Đối tượng và tác nhân thích ứng**

Chủ thể sinh kế mang trong mình những đặc điểm trên phải có điều chỉnh phù hợp môi trường mới. Điều chỉnh đó làm sao để thích ứng với hai yếu tố chính tác động đến sinh kế sau tái định cư của cư dân tái định cư là yếu tố thị trường và chính sách của Nhà nước. Như vậy, nhóm yếu tố này vừa là đối tượng, vừa là tác nhân của thích ứng.

Thị trường lao động và chính sách của Nhà nước là hai yếu tố vừa tách rời, vừa có sự kết nối với nhau. Chúng thể hiện ở cơ cấu kinh tế, cơ cấu vốn, cơ cấu lao động của Đà Nẵng hiện nay, trong đó cơ cấu kinh tế và cơ cấu vốn thể hiện chủ trương, chính sách phát triển kinh tế của thành phố đồng thời là yếu tố quyết định đối với thị trường lao động. Tuy nhiên thị trường lao động vẫn mang tính độc lập tương đối bởi tính năng động của nó, đặc biệt là thị trường lao động tự do.

#### **3.3. Mô hình sinh kế thích ứng**

Những trình bày và phân tích ở các phần trên đã trả lời câu hỏi ai thích ứng và thích ứng với điều gì. Bên cạnh đó, những dữ liệu đó cho phép tiếp cận và lý giải đặc điểm của thích ứng để trả lời cho câu hỏi vấn đề thích ứng như thế nào. Vì thích ứng được phân biệt là chủ động hay có kế hoạch, xuất hiện trong hệ thống tự nhiên hay xã hội, có tính dự đoán hay phản ứng và có các hình thức kỹ thuật, thể chế hoặc hành vi nên việc thích ứng như thế nào phụ thuộc vào cả tiến trình của thích ứng và dạng thức của thích ứng cùng kết quả của nó, từ đó cho thấy đặc điểm của thích ứng.

Trên cơ sở khảo sát sinh kế sau TĐC ở thành phố Đà Nẵng và các quan điểm, lý thuyết được đưa ra, chúng tôi phân nhóm sinh kế thích ứng của cư dân TĐC Đà Nẵng thành ba mô hình sinh kế thích ứng, và



trên thực tế, cả ba mô hình này có mối quan hệ vừa trùng lặp vừa chuyển tiếp. Ba mô hình này là: Sinh kế thích ứng dạng nguyên thể, sinh kế thích ứng dạng biến thể, sinh kế thích ứng dạng đa thể.

- Sinh kế thích ứng dạng nguyên thể: Là hững hoạt động sinh kế cũ được giữ lại và tiếp tục duy trì. Những sinh kế này có chủ thể là một bộ phận cư dân TĐC không bị ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể bởi chính sách di dời, TĐC. Cụ thể, đó những người làm công ăn lương ở khu vực công và cả khu vực tư vẫn tiếp tục nghề nghiệp cũ của mình.

- Sinh kế thích ứng dạng biến thể: Là những sinh kế được thay thế hoàn toàn bởi sinh kế khác. Những sinh kế này có chủ thể là một bộ phận cư dân TĐC ở Đà Nẵng bị thu hồi hoàn toàn hoặc một phần đất sản xuất, bị thay đổi không gian canh tác, sản xuất, buôn bán,... trong khu vực sinh sống của mình. Đây là mô hình sinh kế thích ứng phổ biến trong sinh kế sau TĐC ở thành phố Đà Nẵng, phản ánh qua xu hướng giảm tỷ lệ sản xuất nông nghiệp sau TĐC và gia tăng ở nhóm sinh kế lao động tự do, buôn bán và công nhân,...

- Sinh kế thích ứng dạng đa thể: Là sinh kế có thể được hiểu tương tự như đa dạng hóa sinh kế. Quá trình đa dạng hóa sinh kế là quá trình hộ gia đình lựa chọn và áp dụng một hoạt động mới nhưng không thay thế hoạt động hiện có. Đa dạng sinh kế được định nghĩa là quá trình các hộ xây dựng và thực hiện một danh mục các hoạt động đa dạng cùng sự hỗ trợ của xã hội để tồn tại và cải thiện mức sống của họ.... Đa dạng sinh kế đề cập đến nỗ lực của các cá nhân và hộ gia đình nhằm tìm ra cách thức mới để tăng thu nhập và giảm rủi ro do tác động của môi trường sống...

## **CHƯƠNG 4**

### **KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG VÀ GỢI Ý MỘT SỐ ĐỘNG THÁI GIẢ TĂNG KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG TRONG SINH KẾ CỦA CƯ DÂN TÁI ĐỊNH CƯ Ở THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

#### **4.1. Khả năng thích ứng**

Mang ý nghĩa là sự linh hoạt trước những thay đổi, rõ ràng hơn, thích ứng là vận dụng linh hoạt nguồn vốn bên trong và mềm dẻo, uyển chuyển đối với tác nhân bên ngoài, cụ thể là thị trường lao động, nhu cầu lao động của thị trường. Để đánh giá sinh kế thích ứng, nghiên cứu đánh giá dựa trên các tiêu chí: (1) Vị trí của hoạt động sinh kế trong thị trường lao động hiện nay và vấn đề nảy sinh trong sinh kế hiện nay của cư dân TĐC; (2) Sự vận dụng vốn vào hoạt động sinh kế để tạo ra sinh kế mới hay duy trì sinh kế cũ hoặc đa dạng hóa sinh kế. Nội dung này được thực hiện dựa trên các nhóm hoạt động sinh kế thông qua nghiên cứu định lượng và định tính từ phỏng vấn người dân và nghiên cứu định tính dựa vào nhận định đánh giá của chuyên gia và nhà quản lý. Điều này góp phần giúp nghiên cứu phản ánh đúng nhất khả năng thích ứng trong bối cảnh CNH, HĐH.

Khả năng thích ứng được bàn luận trong từng nhóm hoạt động sinh kế: Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề nông nghiệp và ngư nghiệp; Hoạt động sinh kế gắn với lao động kỹ thuật và công nhân; Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề thủ công và xây dựng; Hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề dịch vụ lắp ráp, vận hành máy móc, thiết bị; Hoạt động sinh kế gắn với buôn bán và cung cấp dịch vụ; Hoạt động sinh kế gắn với công việc giản đơn.

#### **4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh kế thích ứng của cư dân tái định cư Đà Nẵng**

##### **4.2.1. Chủ trương, chính sách của chính quyền thành phố Đà Nẵng đối với các vấn đề kinh tế - xã hội của địa phương**

Cấu trúc sinh kế thích ứng và khả năng thích ứng của cư dân TĐC ở Đà Nẵng đã đề cập ở trên không chỉ thể hiện tính chất và mức độ linh động của chủ thể mà còn thể hiện dấu ấn và vai trò của chính sách trong các sinh kế thích ứng. Đánh giá thích ứng với ý nghĩa là làm cho phù hợp (hoặc hợp với một số mục đích) bởi sự thay đổi (hoặc điều chỉnh) có hai vai trò quan trọng, một là xem nó như một bộ phận của đánh giá tác động, một là xem như một bộ phận của đánh giá chính sách.

Hiện nay và trong khoảng mười năm tới, định hướng phát triển thành phố Đà Nẵng dựa trên những quyết sách đã ban hành, có thể kể đến như Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị, Quyết định số 359/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 15 tháng 03 năm 2021 phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng... Tinh thần trong những văn bản quy phạm pháp luật này đóng vai trò nòng cốt và xuyên suốt trong thời gian đến thành Đà Nẵng.

#### ***4.2.2. Biến động của thị trường lao động trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0 tại thành phố Đà Nẵng***

CMCN 4.0 với những phương thức kinh doanh mới, công nghệ mới nhằm định dạng lại hệ thống sản xuất, tiêu thụ và vận chuyển và phân phối đang diễn biến nhanh chóng, đột phá, tác động sâu rộng và đa chiều trên phạm vi toàn cầu. Công nghệ số sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số, làm thay đổi phương thức quản lý nhà nước, mô hình sản xuất kinh doanh, tiêu dùng và đời sống văn hóa, xã hội. Ở Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng,

#### ***4.2.3. Bối cảnh trong nước và quốc tế***

Viễn cảnh tăng trưởng của Việt Nam nói chung và thành phố Đà Nẵng nói riêng tiếp tục chịu tác động bởi các xu thế kinh tế trên toàn cầu mà trọng yếu là quá trình toàn cầu hóa kinh tế thông qua hàng loạt các hiệp định thương mại đa phương và song phương mà Việt Nam tham gia ký kết. Hội nhập kinh tế quốc yếu sẽ mang lại nhiều cơ hội, lợi ích kinh tế cũng như không ít thách thức và rủi ro cho Việt Nam và Đà Nẵng.

#### ***4.3. Một số động thái gia tăng khả năng thích ứng trong sinh kế của cư dân tái định cư ở thành phố Đà Nẵng***

Dưới góc độ cá nhân hay đối với cộng đồng TĐC, chiến lược phát triển sinh kế là sự tập trung vào việc tìm kiếm và phát hiện những cơ hội thăng tiến trong xã hội, bằng cách phát huy các thế mạnh của bản thân trong các mối tương quan với những tác nhân có ảnh hưởng đến bản thân và cộng đồng xã hội mình đang sống. Tư duy chiến lược chính là phương cách đầu tư vào tương lai, biến tương lai thành hiện thực với việc nhận thức đặc điểm bản thân từ quá khứ đến hiện tại và tiên kiến được tương lai. Chiến lược đó phải vận dụng và sự tổng lực của các

nguồn vốn con người, vật chất, tài chính, tự nhiên và xã hội một cách phù hợp và thiết thực đối với các cộng đồng TĐC. Riêng đối với các cộng đồng TĐC ở thành phố Đà Nẵng với những đặc điểm và tính chất như phân tích ở trên, từ những lợi thế khách quan mang lại và hạn chế chủ quan chi phối, NCS cho rằng nên có chiến lược tập trung vào 2 nguồn vốn con người và vốn xã hội.

## KẾT LUẬN

1. Trong bối cảnh CNH, HĐH, với những đặc trưng của cư dân TĐC Đà Nẵng trên ba khu vực: khu vực lõi đô thị, khu vực đô thị mới, khu vực đô thị ven biển và những nguồn vốn có được, nhiều cư dân TĐC đã thực hiện một trong số sáu hoạt động sinh kế, bao gồm: hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề ngư nghiệp, hoạt động sinh kế gắn với lao động kỹ thuật và công nhân, hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề thủ công và xây dựng, hoạt động sinh kế gắn với ngành nghề dịch vụ lắp ráp, vận hành máy móc, thiết bị và hoạt động sinh kế gắn với buôn bán và cung cấp dịch vụ. Mặc dù phạm trù vốn trong lý thuyết của Boudieu chỉ bao gồm ba yếu tố gồm vốn xã hội, vốn văn hóa và vốn kinh tế nhưng nó tỏ ra hợp lý khi đánh giá sinh kế khu vực đô thị hơn là sinh kế nông thôn với tính quan trọng của nguồn vốn tự nhiên. Tuy nhiên, để đánh giá sự lựa chọn sinh kế của cư dân thành phố Đà Nẵng, nền tảng ba nguồn vốn trên của Boudieu tỏ ra không đầy đủ. Tiếp cận thực tế cho thấy đô thị Đà Nẵng bao gồm cư dân TĐC ven biển từ trước đến nay vẫn bám biển làm sinh kế nên nguồn vốn tự nhiên có dấu ấn quyết định đối với sinh tồn sinh kế của cư dân cho dù nguồn vốn ấy không phải sở hữu riêng của cá nhân hay hộ gia đình TĐC, thậm chí là nào. Chính vì vậy, lý thuyết sinh kế của DFID với năm nguồn vốn sinh kế cụ thể, rõ ràng (nguồn vốn tự nhiên, nguồn vốn xã hội, nguồn vốn con người, nguồn vốn vật chất và nguồn vốn tài chính) bổ sung thêm căn cứ hữu hiệu cho đánh giá lựa chọn sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

Hai lý thuyết một của Boudieu và một của DFID làm nền tảng cơ bản trong đánh giá sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng và chỉ dừng lại ở vai trò đó. Những kết quả điền dã và đánh giá về nguồn vốn và hoạt động sinh kế ở các khu TĐC của thành phố Đà Nẵng trong hơn 2 thập niên qua, cho thấy nhiều vấn đề về sinh kế thích ứng của cư dân TĐC hiện nay. Điều này cần được xem xét dưới góc độ lý thuyết thích ứng, những luận giải về khái niệm thích ứng và khái niệm khác như phục hồi, biến đổi... để thấy được thực trạng, tính chất, đặc điểm của sinh kế thích ứng, làm cơ sở cho định hướng phát triển trong thời gian tới ở các khu TĐC thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, vận dụng các lý thuyết vào nghiên cứu sinh kế thích ứng đặt ra yêu cầu về sự bổ khuyết lẫn nhau giữa các lý thuyết để sáng tỏ nội hàm vấn đề nghiên cứu.

2. Quá trình CNH, HĐH ở Đà Nẵng không chỉ là tác nhân tạo nên tình trạng TĐC mà còn là môi trường sống sau TĐC. Môi trường này, một mặt tạo ra những cơ hội, một mặt đưa đến những thách thức trong quá trình kiếm tìm, thích ứng và duy trì sinh kế của cư dân TĐC. Song hành với quá trình CNH, HĐH, công cuộc giải tỏa, di dời, bố trí TĐC cũng là một quá trình dài được thực hiện từ khi thành lập thành phố cho đến hiện nay. Trong chặng đường đó, mỗi giai đoạn có sự khác nhau về phương án giải tỏa, bồi thường, chính sách sinh kế của chính quyền thành phố Đà Nẵng đối với cư dân TĐC. Chính sự khác nhau ấy dẫn đến sinh kế của cư dân TĐC ở mỗi thời điểm cũng khác nhau. Trong đó, sinh kế thích ứng được đánh giá dựa trên các khía cạnh gắn với chủ thể thích ứng, đối tượng, tác nhân thích ứng, và mô hình thích ứng. Ba yếu tố này có thể xem là cấu trúc cơ bản của sinh kế thích ứng. Chủ thể sinh kế thích ứng mang những đặc điểm của các nguồn vốn, chủ thể đó thích ứng với đối tượng, tác nhân thích ứng là chính sách của Nhà nước và thị trường lao động, thể hiện qua những hình thức, mô hình gồm thích ứng dạng đơn thể, thích ứng dạng biến thể và thích ứng dạng đa thể.

Trong ba khía cạnh của sinh kế thích ứng trên, các nguồn vốn sinh kế chính là đặc điểm sinh kế của chủ thể thích ứng. Các nguồn vốn đó được đánh giá trên năm nguồn vốn sinh kế chính. Sau TĐC, hầu hết các nguồn vốn đều biến đổi. Đối với từng cư dân TĐC, vai trò của các nguồn vốn có sự tác động khác nhau đến sinh kế của họ. Nguồn vốn tự nhiên liên quan đến đất đai là nguồn vốn được cộng đồng xã hội nhắc đến thường xuyên, như là một nguồn vốn quan trọng nhất, nhưng sau TĐC, nó đã suy giảm vai trò trong sinh kế của đa số cư dân TĐC. Theo thời gian, ngày càng rõ ràng hơn sự thu hẹp ảnh hưởng và tầm quan trọng của đất đai về cả mức độ rộng khắp và cường độ bao phủ đối với sinh kế của cư dân TĐC. Điều này tạo nên điểm khác trong sinh kế thích ứng của cư dân TĐC Đà Nẵng so với một số địa phương khác. Trong khi đó, nguồn vốn tự nhiên liên quan đến nguồn lợi thủy hải sản vẫn là nguồn vốn thiết yếu đối với những cư dân làm nghề ngư nghiệp. Bên cạnh đó, một phần lớn các nguồn vốn khác gồm nguồn vốn tài chính, nguồn vốn vật chất, nguồn vốn xã hội... cũng khác nhau trong mỗi cư dân TĐC. Điều này phản ánh nguồn vốn sinh kế sau TĐC của cư dân Nẵng không mang tính thuần nhất như của một số cộng đồng TĐC khác.

Trong bối cảnh CNH, HĐH, sau TĐC, với nguồn vốn không thuần nhất, hoạt động sinh kế của cư dân TĐC không phản ánh đầy đủ các thành phần cơ cấu ngành nghề kinh tế. Tuy nhiên, các hoạt động sinh kế này cơ bản gói gọn trong ba mô hình sinh kế thích ứng, gồm mô hình sinh kế thích ứng dạng nguyên thể, mô hình sinh kế thích ứng dạng biến thể và mô hình sinh kế thích ứng dạng đa thể. Mô hình sinh kế dạng đa thể là mô hình sinh kế kết hợp của hai mô hình nguyên thể và biến thể. Các mô hình sinh kế này phản ánh diện mạo của các khu TĐC - một phần của đô thị Đà Nẵng, đang trong quá trình chuyển đổi với đặc tính sinh kế linh hoạt, nhạy bén. Nó kiến tạo nên một bức tranh sinh kế sau TĐC của thành phố Đà Nẵng đa dạng, với sự hiện diện của sinh kế truyền thống lẫn sinh kế hiện đại, sinh kế đa ngành, đa nghề và đa chức năng.

Trong ba mô hình sinh kế ở các cộng đồng TĐC thành phố Đà Nẵng, mô hình sinh kế dạng đa thể là phổ biến và đặc trưng nhất, thể hiện sự đa dạng hóa trong sinh kế cả về không gian và phạm vi ngành nghề. Về mặt không gian, trong bối cảnh CNH, HĐH của thành phố Đà Nẵng, sinh kế đang trở nên “phi địa phương hóa”; về mặt phạm vi ngành nghề, sinh kế vượt ra khỏi giới hạn các sinh kế truyền thống, điển hình là nông - lâm - ngư nghiệp.

Về cơ bản, các mô hình sinh kế thích ứng của cư dân TĐC Đà Nẵng thể hiện đặc tính tái lập, chuyển đổi hay điều chỉnh. Ba mô hình sinh kế thích ứng đều mang trong mình những thuận lợi và khó khăn riêng. Tuy chưa thể xác định được mô hình nào thành công hơn mô hình nào, nhưng đây cũng là cơ sở để nhìn nhận, phân tích các khả năng thích ứng sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

3. Tuy nhiên, không dễ dàng để đánh giá khả năng thích ứng sinh kế của cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng. Những dữ liệu định lượng và định tính cho thấy các hoạt động sinh kế có thể xem là thích ứng của cư dân TĐC ở khu vực này nhưng chưa thích ứng đối với cư dân TĐC ở khu vực kia. Hơn thế, tính thích ứng đó không cố định mà có thể điều chỉnh qua thời gian trước các yếu tố tác động từ bối cảnh trong nước và quốc tế đến các yếu tố chính sách, thị trường.

Trước thực tế của quá trình chuyển đổi sinh kế này sinh nhiều bất cập và hạn chế, để tăng cường thích ứng, chiến lược thích ứng cần được đề ra đối với từng nhóm đối tượng liên quan, từ phía nhà nước đến cộng đồng dân cư và bản thân người dân TĐC. Mặc dù sinh kế của cư dân TĐC chịu tác động của nhiều nguồn vốn, nhưng chiến lược

sinh kế đặc biệt nhấn mạnh đến chính sách về yếu tố con người và quan hệ xã hội, nhằm hướng đến khả năng duy trì hoặc tăng cường năng suất sinh kế cho cư dân TĐC, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững, từ đó đóng góp công sức vào sự nghiệp CNH, HĐH của thành phố Đà Nẵng.

Trong khi những chiến lược phát triển sinh kế của chính quyền Đà Nẵng dành cho cư dân TĐC mang tính phổ quát, thì những chiến lược phát triển sinh kế của chính bản thân cư dân TĐC lại cần sự cụ thể. Cả chính quyền thành phố Đà Nẵng lẫn cư dân TĐC đều có những chiến lược nhắm đến nguồn vốn con người thông qua các kế hoạch đào tạo, thực hành kỹ năng, trao truyền kinh nghiệm. Tuy nhiên, cư dân TĐC Đà Nẵng lại quan tâm đầu tư hơn đối với nguồn vốn xã hội, do thói quen từ tính cộng đồng làng xã. Chiến lược sinh kế ít đề cập đến nguồn vốn tự nhiên và nguồn vốn vật chất, bởi nguồn vốn tự nhiên được xác định là không thể thay đổi được. Trong khi đó, đối với nguồn vốn vật chất, về mặt hạ tầng kiến trúc, chính quyền thành phố Đà Nẵng đã đầu tư cho các khu TĐC, về mặt nhà ở, trang thiết bị,... lại hầu như không phát huy vai trò trong tạo sinh kế cho cư dân TĐC ở thành phố Đà Nẵng.

**4.** Vì vậy, để tăng cường tính thích ứng về sinh kế của cư dân TĐC Đà Nẵng, từ những kết quả nghiên cứu trên, NCS đề xuất một số kiến nghị đối với chính quyền thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, đi đôi với chính sách giải tỏa, đền bù, bố trí TĐC thoả đáng, hợp lý, thành phố Đà Nẵng cần có chính sách hỗ trợ dạy nghề, chuyển đổi ngành nghề, giải quyết việc làm cho lao động ở các khu TĐC cụ thể và thiết thực hơn. Có thể xây dựng chính sách hỗ trợ trọn gói đối với các hộ thuộc diện TĐC, trong đó bao gồm cả chính sách về dạy nghề, việc làm, tài chính, chế độ bảo hiểm xã hội cho người TĐC. Các chính sách này có quan hệ hữu cơ, bổ trợ nhau, phải được hoạch định triển khai thực hiện cùng lúc từ khi quy hoạch, phê duyệt phương án đến tổ chức di dời, TĐC, ổn định đời sống. Thậm chí đối với một số hộ dân TĐC chủ yếu sống phụ thuộc vào đất đai, ngành nghề nông nghiệp, thì chính sách chuyển đổi ngành nghề, dạy nghề, giải quyết việc làm phải được xây dựng trước khi tiến hành phương án di dời, giải tỏa, thu hồi đất sản xuất.

Thứ hai, khi một dự án triển khai cần tổ chức các nghiên cứu dân tộc học để tìm đầy đủ thông tin về kinh tế xã hội, nguyện vọng của gia đình, thậm chí có thể tổ chức các cuộc tiếp xúc nhằm phổ biến chính



sách giải tỏa, bồi thường, bố trí TĐC thích hợp, cũng như có cơ sở để định hướng nghề nghiệp, giải quyết công ăn việc làm phù hợp. Sau khi TĐC, cần tiến hành khảo sát, thống kê số lượng lao động ở các địa bàn giải tỏa, TĐC, phân loại độ tuổi, giới tính, trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn, tình trạng việc làm của các lao động trong mỗi hộ để nắm bắt đầy đủ thông tin về nhu cầu chuyển đổi ngành nghề, từ đó xây dựng kế hoạch dạy nghề, tạo việc làm phù hợp.

Thứ ba, thành phố Đà Nẵng cần phổ cập thông tin, nâng cao nhận thức về sinh kế của người dân, giúp người dân tiếp cận với thông tin dạy nghề, việc làm, tin dụng thông qua các chuyên đề của phương tiện thông tin đại chúng (Đài Phát thanh và Truyền hình Đà Nẵng, Đài Truyền thanh các quận, huyện).

Thứ tư, cần tăng cường công tác dân vận thông qua mặt trận, các hội, đoàn thể để giúp người dân nhận thức được rằng họ cần năng động hơn và có động lực hơn trong việc tìm kiếm và phát triển các sinh kế cho bản thân và gia đình, tránh trông chờ ỷ lại vào Nhà nước và hỗ trợ bên ngoài; Khuyến khích họ tự phát triển sản xuất, mở rộng sản xuất hàng hóa kinh doanh, dịch vụ; Hướng dẫn quản lý, sử dụng nguồn vốn đền bù, hỗ trợ đồng thời giúp người dân sử dụng tiền đền bù vào học nghề, tập huấn sản xuất, đầu tư sản xuất hoặc gửi ngân hàng để tạo nguồn vốn tài chính cho họ. Bên cạnh đó, cần tuyên truyền, vận động, kêu gọi mọi người trong khu dân cư giúp đỡ nhau như cho mượn, thuê mặt bằng giá thấp, trao đổi kinh nghiệm, truyền các nghề thủ công, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm, giới thiệu việc làm, giúp các hộ giải tỏa có thêm cơ hội việc làm, kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm mới.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH CỦA TÁC GIẢ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU**

1. Lư Thúy Liên (2017), “Nhận thức và tiếp cận kênh trợ giúp pháp lý của cư dân TĐC thành phố Đà Nẵng (Nhìn từ đối tượng nghèo và đồng bào dân tộc Cơ Tu)”, *Tạp chí Khoa học - Đại học Huế*, Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn (ISSN 2588 - 1213), Tập 126, Số 6b, Đại học Huế.

2. Lư Thúy Liên (2017), “Tác động của chính sách an sinh xã hội đến sinh kế của người dân TĐC tại thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng* (ISSN 1859 - 3437), Số 95, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng.

3. Lư Thúy Liên (2018), “An sinh xã hội hậu tái định cư ở thành phố Đà Nẵng - nhìn từ vấn đề tạo sinh kế”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Chuyên san Khoa học Xã hội và Nhân văn (ISSN 2354-0850), Tập 11, Số 2, Trường Đại học Khoa học Huế.

4. Lư Thúy Liên (2017), “Tác động của dịch chuyển dân cư đến văn hóa và lối sống của cư dân vùng ven biển thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng* (ISSN 1859 - 3437), Số 96, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng.

5. Lư Thúy Liên (2018), “Mối quan hệ giữa đô thị hóa và xây dựng, phát triển văn hóa của thành phố Đà Nẵng”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng* (ISSN 1859 - 3437), Số 98, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng.

6. Lư Thúy Liên (2018), “Xây dựng Thành phố đáng sống cho Đà Nẵng - Những cơ hội và thách thức nhìn từ vấn đề nhập cư”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng* (ISSN 1859 - 3437), Số 116, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng.

7. Lư Thúy Liên (2018), “Sử dụng vốn con người và vốn xã hội trong chiến lược sinh kế của cư dân tái định cư Đà Nẵng”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế Xã hội Đà Nẵng* (ISSN 1859 - 3437), Số 133, Trung tâm Hành chính Đà Nẵng.

8. Lư Thúy Liên (2021,) “Sinh kế và văn hóa, lối sống truyền thống của cư dân ven biển Đà Nẵng trước tác động của đô thị hóa”, *Tạp chí Nghiên cứu Dân tộc* (ISSN 0866 - 773X), Tập 10, Chuyên san số 2.

9. Lư Thúy Liên (2022), “Nguồn lực sinh kế và chính sách hỗ trợ sau tái định cư trên địa bàn Đà Nẵng: thực trạng và kiến nghị”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sài Gòn (ISSN 1856-3208) Số 79, Đại học Sài Gòn.

**HUE UNIVERSITY**  
**UNIVERSITY OF SCIENCES**

**LU THUY LIEN**

**ADAPTIVE LIVELIHOODS OF DA NANG RESETTLED  
RESIDENTS IN THE PROCESS OF INDUSTRIALIZATION,  
MODERNIZATION**

**A SUMMARY OF PHD DISSERTATION IN ETHNOLOGY**

**HUE - 2022**

The work was completed at the Department of History,  
University of Sciences, Hue University

Scientific supervisors:

1. **PhD. Nguyen Xuan Hong**, University of Sciences, Hue University.
2. **Assoc.Prof. Tran Xuan Binh**, University of Sciences, Hue University.

Reviewer 1: .....

Reviewer 2: .....

Reviewer 3: .....

The thesis will be defended in front of the thesis Committee of  
Hue University at Hue University

At ..... hours....., date..... month....2022

The thesis can be found at:

1. National Library of Vietnam
2. Library of University of Sciences, Hue University.

# INTRODUCTION

## **1. Reasons for choosing the topic**

If industrialization and modernization is the trend of the times, the process of clearance, relocation and resettlement is implicitly an inevitable rule of most urban areas. in the world and in Vietnam. The process of resettlement plays an important role in the development of urban areas, because of its multi-dimensional characteristics as well as many consequences: Impact on the ecological system and regional economy; Impacts on technical, traffic and social security infrastructure; impact on the distribution of population and labor force; Impact on economic growth and income, leading to social division; Impact on psychology, lifestyle and social security issues, environmental pollution, traffic congestion, arising social evils, etc. Thus, it is important that the resettlement is both a consequence and a cause that affects the economic, social and cultural aspects of the city. In particular, the flourishing urban appearance, modern and smart urban structure are the practical and desirable consequences of this work.

However, the current relocation, clearance and resettlement often pose many problems and challenges. The reason of that is resettlement is not simply the transfer of a part of the population from one place to another, but it also brings about many changes that are both encouraging and worrisome in most economic, social, and cultural fields. ... of each individual, household, and community in the face of the impact of urbanization.

Da Nang has a favorable geo-economic position, a traffic hub both by road, by sea, by air, by railway, and as the sea gateway to the world of the Central Highlands (via National Highway 14B) and Laos, Cambodia, Thailand, and Myanmar through the "East-West Economic Corridor" route. These advantages are the basis and premise to develop economy and attract investment of Da Nang, that becoming a major trade and service center of the region and the whole country. Resolution No. 33-NQ/TW dated October 16, 2003 of the Politburo on construction and development of Da Nang city in the period of industrialization and modernization of the country, determined that “must strive to become one of the leading cities leading in process of industrialization and modernization and

basically becomes an industrial city before 2020". In which, Program 1 "Strengthens planning, increases investment in infrastructure development in a synchronous manner, and builds the city in the direction of civilization and modernity".

With many large-scale projects and large relocation and resettlement programs, Da Nang city is considered as a locality with a fast and strong clearance rate., As a result, Da Nang has the appearance of a young urban area with synchronous, spacious and modern infrastructure after nearly 25 years of becoming a city directly under the Central Government (1997-2021), However, like many other localities, resettlement in Da Nang city forces resettled people to face direct or indirect fluctuations in many economic, social, cultural, and economic issues. ... of which it is worth emphasizing the issue of livelihood. Before these inevitable changes, each community, each group of people or even each household has different behaviors bearing the imprint of themselves, their families and the community. The manifestations of that imprint is adaptability and adaptability.

Livelihood theory and adaptation theory have been invested in by many scientists over the past decades. However, from those two theories to analyze and evaluate the content of adaptive livelihoods so far is still limited.

It is very important and necessary to research and assess adaptation of households' livelihoods after resettlement by the process of resettlement in Da Nang, providing extensive and thorough data on the adaptation of residents' livelihoods in Da Nang. This is the scientific and practical basis to advise the city government on policies for resettled people to have better and more sustainable livelihoods, contributing to the implementation of Resolution 43-NQ/TW dated 24/24/ 01/2019 of the Politburo on construction and development of Da Nang city to 2030, vision to 2045: "Develop Da Nang city in the direction of an eco-urban, modern, smart, national-level economic and has its own identity; rapid and sustainable economic development, considering raising people's living standards to a high level as the central task; focus on developing 3 main pillars: tourism, high-tech industry and marine economy; ensuring national defense, security, sovereignty over sea and islands, social order and safety".

Stemming from the above reasons, I have chosen the topic " Adaptive livelihoods of Da Nang resettled residents in the process of industrialization and modernization" as my PhD thesis.

## **2. Research objectives and tasks**

### **2.1. Research objectives**

From the results of ethnographic research, focusing on looking at activities after resettlement, the thesis in-depth assessment and analysis of applied livelihood plans, thereby assessing the applicability of ethnic minorities' livelihoods. After resettlement, the basis of implementation and scientific basis to open up features to increase adaptability on the plan of resettled population in Da Nang city.

### **2.2. Tasks**

- Systematize the theory of livelihoods and adaptation;
- Assessment of industrialization, modernization, process of resettlement and transformation of livelihood activities of resettled residents in Da Nang city;
- Analysis of adaptive livelihoods of resettled residents in Da Nang city;
- Assess adaptability and suggest some moves to increase adaptability in livelihoods for resettled people in Da Nang city.

## **3. Object and scope of research**

### **3.1. Objects**

The research object of the thesis is the adaptive livelihoods of resettled residents in Da Nang city, which is shown specifically through two objects, one is the livelihood capital sources after resettlement, the other is the livelihood activities of the resettled residents. in Da Nang city.

### **3.2. Research scope**

- *Space scope*: Research on adaptive livelihoods of resettled residents living in resettlement areas in Da Nang city in the following districts: Hai Chau district, Thanh Khe district, Son Tra district, Cam Le district, Ngu Hanh Son district, Lien Chieu district and Hoa Vang district. These seven districts account for most of the district-level administrative unit of Da Nang city, the remaining 01 district is Hoang Sa island district which is not included in the study space because this is a district with a specific nature and has not taken place yet clearance and resettlement process.

- *Temporal scope*: From 1997 to 2020. The year 1997 was the time when Da Nang became a city directly under the Central Government,

opening the process of strong urbanization. 2020 is the time when Da Nang completes its five-year, ten-year plan and strategy.

#### **4. Research materials**

To carry out the thesis, the PhD student uses the following main sources of data:

- Sources of written documents of domestic and foreign scientists related to the topic including: books, newspapers, magazines, legal documents of the Central and Da Nang city,...

- Sources of materials collected during the ethnographic fieldwork, including descriptive documents, observations, in-depth interviews, group discussions, and questionnaire surveys.

#### **5. Thesis contribution**

##### ***5.1. Scientific contribution***

The thesis contributes to supplementing and clarifying the theory of livelihoods, especially adaptive livelihoods, which is a matter of many debates and differences of opinion. In addition, the thesis provides practical documents on the adaptive livelihoods of resettled residents in the process of industrialization and modernization in a specific area.

##### ***5.2. Practical contribution***

- The thesis provides scientific and practical bases to help managers and policy makers have more grounds to adjust policies and solve social issues related to resettlement in the process. Industrialization and modernization in Da Nang city.

- The thesis contributes to helping the resettlement community in Da Nang city make adjustments to adapt to the new environment.

- This thesis can be used as/as a useful reference for research and teaching for university staff and students.

#### **6. Thesis layout**

Besides Introduction, Conclusions, References and Appendix, the thesis content is divided into 4 chapters.

Chapter 1. Literature review, theoretical basis, methods and overview of the research area.

Chapter 2: Industrialization, modernization and transformation of livelihood activities of resettled residents in Da Nang city.

Chapter 3: Adaptive Livelihoods after Resettlement in Da Nang City.

Chapter 4: Adaptability and suggests some moves to increase adaptability in the livelihoods of resettled residents in Da Nang city.



# CHAPTER 1

## LITERATURE REVIEW, THEORETICAL BASIS, METHODS AND OVERVIEW OF THE RESEARCH AREA

### **1.1. Literature review**

#### ***1.1.1. In the world***

##### ***1.1.1.1. Research group on the relationship between livelihoods and resettlement***

The relationship between livelihoods and resettlement is a topic that attracts a lot of attention from scholars and researchers around the world, in which some main research approaches can be mentioned as follows: Research direction focus on post-settlement change factors, identify changes caused by resettlement and show how local people deal with that change by Maruyama (2003); Research direction and assessment of the impact of resettlement on livelihoods and population of Bisrat Worku (2011); Research direction on the impact of resettlement on livelihoods and food security, natural capital, paying attention to indirect impacts on indigenous people who have long lived on the resettlement site of Moti Jaleta (2011)...

These studies, through primary and secondary data, have assessed the impact of resettlement on both the livelihoods and social relationships of the resettled communities. Studies have shown that, after resettlement, most people's living standards are low, they have to struggle a lot in their livelihoods, in order to come up with many practical solutions. However, these works do not have manipulations to describe the adaptive livelihood activities of the resettled people, so it is not possible to determine in advance the new circumstances, what adaptive livelihoods the resettlement people have and the development trend. like theirs.

##### ***1.1.1.2. Adaptation Livelihoods Study Group***

Research on adaptive livelihoods has been carried out in many continents around the world, in Asia, Europe, Africa and the US, etc. However, most of these studies focus on climate adaptation research. climate change. Regarding adaptive livelihoods due to industrialization and modernization, there are a number of studies by authors such as Mihret Jember Bahry (2010), Sinavong Phonevilay (2013), Ryo Fujikura and Mikiyasu Nakayama (2019)...

## ***1.1.2. In Vietnam***

### ***1.1.2.1. Research group on the relationship between livelihoods and resettlement***

The relationship between livelihoods and resettlement is also a topic that attracts a lot of attention from researchers in Vietnam, in which some research approaches can be mentioned, including: livelihoods after resettlement due to the impact of the process of industrialization and modernization in urban areas; Research direction on livelihoods after resettlement due to the impact of the process of industrialization and modernization in rural and peri-urban areas hydropower construction

- Research on livelihoods after resettlement due to the impact of urbanization in urban areas is mainly sociological studies in the direction of urban sociology. This is a research direction that contributes a lot in sociological investigation, giving practical results. However, this group of research works does not focus on finding and describing adaptive livelihoods, but focuses on the real life situation of people after resettlement.

- Research on livelihoods after resettlement due to the impact of urbanization in rural and peri-urban areas is quite rich, contributing in theory, research methods and practice, explaining urbanization and industrialization in relation to livelihoods. , factors affecting employment, livelihood solutions for people after resettlement,... However, these works have limitations on research subjects, when they only focus on agricultural households. population and do not set a comparison target with other types of households.

- Research on livelihoods after resettlement due to impacts of resettlement in mountainous areas and research on livelihoods after resettlement due to impacts of hydropower projects focuses on analyzing livelihood resources and livelihoods after resettlement, proposing methods The livelihood restoration project, although not directly, has more or less mentioned adaptive livelihoods associated with livelihood resources and solutions to post-settlement problems.

#### ***1.1.2.2. Adaptation Livelihoods Study Group***

Livelihood is the core and most basic issue of residents after resettlement, however so far, research has focused mostly on livelihood change and sustainable livelihoods. The number of studies on the topic of adaptive livelihoods is still quite modest and

scattered, including some studies by Nguyen Gia Doi, Nguyen Anh Tuan, Le Hai Dang (2012) with the article "Environment and climate change". response of prehistoric people in Trang An area"; Research on adaptation livelihoods to climate change by Oxfam organization in two provinces of Ben Tre and Quang Tri in May 2008, about the lives of poor families coping with natural disasters and floods as activities adaptive livelihoods: how to harvest the rice crop before the main flood season; do not plant cassava in flood and rain and plant more trees near the river for better protection; construction and maintenance of small irrigation systems or dike systems to protect rice fields when floods come; planting other varieties of rice or alternative crops,...; Hoang Ngoc Tuong Van (2013) with the article "Livelihood model adapting to climate change in low-lying areas in Thua Thien Hue province" ; Ngo Thi Phuong Lan (2014) with the study "From rice to shrimp: Risk reduction behavior and exploitation of social capital of farmers in the Mekong Delta".

While the research on livelihoods in general is relatively rich, the research on adaptive livelihoods, especially on the issue of adaptation to the impacts of society, is quite modest and lacks depth. Some research works on adaptive livelihoods after resettlement such as research by Oxfam, Ngo Thi Phuong Lan, Hoang Ngoc Tuong Van, Do Thi Lift, Nguyen Van Ga,... have partly shown the transformation picture. livelihood after resettlement. However, these studies mainly focus on impact conditions, but pay little attention to the target group of resettled people, who have distinct vulnerability characteristics. Some studies only focus on proposing adaptive livelihood models on the basis of people's real life and environment for competent authorities to refer to and apply, but pay little attention to understanding adaptive livelihoods. potential of resettled households.

### **1.1.3. The results thesis inherited and the issues raised need to be solved**

#### *1.1.3.1. The results that thesis inherited*

A review of studies related to the issue of adaptive livelihoods of resettled residents in Da Nang city during the process of industrialization and modernization shows the diversity and richness in these related studies. Each article, each work stands from different angles to solve the problem, suggesting many ideas for the thesis to

inherit and develop. Most of the research approaches on livelihoods are mainly based on the framework of sustainable livelihoods [25]. This is also the mainstream approach of non-governmental organizations (NGOs) in Vietnam in poverty reduction for many decades, with the commitment and confirmation that it is necessary to develop solutions to maintain poverty reduction, and ensure sustainable livelihoods. In the past decades, the World Bank has approached and developed a poverty reduction program with action plans and policies that have been researched and adjusted towards sustainability, prioritizing the disadvantaged and vulnerable communities. impact.

The mentioned studies have provided the researcher with a lot of information and data to serve his thesis. First of all, they not only provide diverse and rich sources of material for the thesis, but also suggest many ideas and research approaches for researchers in the process of implementing the thesis. Most obviously, the thesis will inherit theoretically, tools and livelihood approaches of Oxfam UK, UNDP, WB, etc. This content has been shown in the documents of these organizations, has just been shown in the applied research documents mentioned above by the thesis. In addition, the thesis also inherits some information and data from studies in Vietnam, especially in Da Nang, as a basis for comparison and contrast to discover the nature of the problem. research.

#### *1.1.3.2. The problems raised need to be solved*

On the basis of the above inheritances, as an urgent issue and with high scientific requirements, the thesis Adaptive livelihoods of resettled residents in Da Nang city in the process of industrialization and modernization requires researchers to has diligently researched, researched and solved the following problems:

- Research on the theoretical basis of adaptive livelihoods, including the concept of adaptive livelihoods, the structure of adaptive livelihoods. This content is currently not mentioned as a focus content in the studies mentioned above.

- Research on adaptive livelihood structure of Da Nang resettlement residents before the process of industrialization and urbanization. In the context of industrialization and modernization in Da Nang city has been taking place strongly for many decades, studying adaptive livelihood structure will draw a picture of adaptive

livelihoods of residents after resettlement in Da Nang city. From there, it creates a foundation and a basis for assessing the adaptability in the livelihoods of this population group.

- Suggest some moves to improve the adaptability in the livelihood of resettled residents in Da Nang city.

## **1.2. Theoretical basis**

### ***1.2.1. Some concepts related to the thesis***

The thesis presents concepts related to the content such as: livelihoods, sustainable livelihoods, livelihood resources, adaptation, adaptive livelihoods, resettlement, industrialization, modernization.

### ***1.2.2. Theories***

For the purpose of the research work, the thesis mainly uses the field, behavior and capital theory of Pierre Bourdieu (1930 - 2002), the livelihood theory of DFID and Holling's theory of adaptation (1996). and by Linda Hutcheon (2006).

### ***1.2.3. Analytical framework***

The analytical framework is mapped based on the reality of livelihoods after resettlement in Da Nang city and the field, behavior and capital theory of Pierre Bourdieu (1930 - 2002), DFID's livelihood theory and theory, the adaptive view of Holling (1996) and of Linda Hutcheon (2006).

## **1.3. Research Methods**

The thesis approaches and tackles the issues the topics through the following methods: Methods of document research; Ethnographic field method; Comparative and contrasting research methods; Methods of analysis and synthesis Qualitative and Quantitative Methods.

## **1.4. Overview of the study area**

### ***1.4.1. Natural conditions***

Da Nang city includes the mainland and archipelago in the East Sea, with a natural area of 1,283.42 km<sup>2</sup>, of which the districts have an area of 241.51 km<sup>2</sup>, the districts have an area of 1,041.91 km<sup>2</sup>. Da Nang has a diverse topography, including plains, mountains, rivers, seas, and is an area rich in surface water energy, with many large river systems such as Han River, Cau Do River, Tuy Loan River, and Yen River., Vu Gia river, Cu De river,...

#### ***1.4.2. Socio-economic situation***

On January 1, 1997, Da Nang city was separated from Quang Nam province, officially becoming a city directly under the Central Government, according to the Resolution of the IX National Assembly, 10th session, on November 6, 1996. The city's management unit at this time includes 5 districts: Hai Chau, Thanh Khe, Son Tra, Ngu Hanh Son, Lien Chieu and 2 districts, Hoa Vang and Hoang Sa. With the center location of the country, Da Nang plays an important role in terms of economy, society, national defense and security, and is considered a convergence of natural, economic and cultural factors for the development of the country. develop. In the period of construction and development of the city after the peace, through many separations, mergers, changes in name and function, up to now, the city continues to be selected as "the center of industry, commerce and service". of the Central region".

## **CHAPTER 2**

### **INDUSTRIALIZATION - MODERNIZATION AND PROCESS RESETTLEMENT IN DA NANG CITY**

#### **2.1. Industrialization and modernization in Da Nang city**

##### ***2.1.1 Background of Da Nang city conducting industrialization and modernization***

Da Nang city conducts industrialization and modernization in the context of industrialization and modernization as stated in the view from the 7th National Party Congress and at the Platform for National Construction in the Transition to Socialism. In 1996, the 8th National Congress of Deputies approved the policy of industrialization and modernization. In 1996, the 8th National Congress of Deputies approved the policy of industrialization and modernization

##### ***2.1.2. Characteristics of the process of industrialization and modernization in Da Nang city***

###### ***2.1.2.1. Industrialization and modernization policy of Da Nang city***

Becoming a city directly under the Central Government has given Da Nang advantages and development motivation, reflected in the implementation of Resolutions, creating many positive changes. Especially since the IX Party Congress in 2001, Da Nang city has taken advantage of opportunities from the world context to carry out industrialization and modernization, actively investing in building infrastructure, improving the environment, In dealing with social security issues, the city's science and technology level has made many advances, resulting in increased productivity, quality and efficiency of socio-economic activities. Economic growth and people's living standards are constantly improving. After more than 15 years of implementing Resolution 33 of the Politburo, Da Nang has achieved many achievements in the process of industrialization and modernization, making an important contribution to the comprehensive development of the city. living". On the basis of outstanding development steps, to meet new requirements associated with the integration trend, the Central Committee issued a new Resolution, Resolution No. 43-NQ/TW of the Central Committee dated 24/24. 01/2019 on construction and development of Da Nang city to 2030, vision to 2045.

In the new situation, with the goal of building Da Nang city into one of the major socio-economic centers of the country and Southeast Asia, the Prime Minister issued Decision No. TTg, March 15, 2021, approving the adjustment of the general planning of Da Nang city to 2030, with a vision to 2045.

#### *2.1.2.2. The process of urbanization associated with industrialization and modernization of Da Nang city*

Urbanization of Da Nang city with the characteristics of urban population and urban land area. The data show that the rate of urbanization in the early stage is quite strong. The boom in urban population in Da Nang after 1997 was caused by the re-establishment of administrative boundaries, changing the name of communes into wards, and changing rural areas into urban areas. Up to now, the urban and rural face of Da Nang has been very spacious, comfortable and modern. In a short time, but with a synchronous investment policy, it has given Da Nang a new look.

### **2.2. Resettlement process and resettlement areas in Da Nang city**

#### ***2.2.1. Resettlement process in Da Nang city***

To ensure industrialization and modernization, Da Nang continuously expands urban space and converts land use purposes. This is evident in the planning and adjustment of land use planning. During the period 1997 - 2013, Da Nang city made and adjusted the land use planning 3 times and submitted it to the Government for consideration and approval. In order to have a land fund, since 1997, Da Nang has continuously implemented the policy of exploiting, implementing more than 1,300 projects, clearing more than 18,500ha. The strongest is from 2005 to now, implementing more than 1,000 projects, clearing more than 13,000 hectares, in 2011 alone, the city implemented 222 projects.

The planning to change the structure of land use has reached a high number of households that have to be cleared and relocated. In 1997 - 2012, a total of 90,050 households had to be relocated, in which, the number of households cleared and recovered was 41,282 households, the number of households that had to be cleared and partially recovered was 21,125 households, and the number of households being cleared and partially recovered was 21,125 households. The clearance of agricultural and forestry land is 20,333 households, and the total number of cleared households to be



allocated resettlement land is 35,324 households. The situation from 1997 to present and the forecast of the future land use planning of Da Nang city shows that many resettled households are affected by the city's projects, losing both residential and productive land.

### ***2.2.2. Resettlement areas in the area of Da Nang city***

In Da Nang city, there are more than 40 resettlement areas distributed in 6 districts. Most of the districts (except Hoang Sa island district) of Da Nang city including Hai Chau district, Cam Le district, Lien Chieu district, Son Tra district, Ngu Hanh Son district and Hoa Vang district have the resolution process taking place. and resettled with different phases depending on the speed and characteristics of industrialization - modernization and urbanization of each district. In which, in districts such as Hai Chau district, Thanh Khe district, Son Tra district, the process of clearing and resettlement took place earlier than Cam Le and Hoa Vang districts.

### ***2.2.3. Characteristics of resettled population in Da Nang city***

For the surveyed group of resettled residents, in addition to the general personality characteristics, there are some basic social and demographic characteristics in terms of age, gender, education level, professional qualifications, etc. Characteristics of age, gender, education level, and expertise play an important role in recovering and creating livelihoods after resettlement. Residents with limited education or women will face more difficulties, being a disadvantaged group.

## **2.3. Transforming livelihood activities of resettled residents in Da Nang city**

The livelihood choices of Da Nang resettlement residents are placed in the context of industrialization and modernization and the characteristics and characteristics of the population as mentioned. On that basis, Da Nang resettlement residents experience their new livelihood activities, on the basis of livelihood activities before resettlement. These new livelihood activities adapt or not and how they adapt are also influenced by the capital source corresponding to the living area.

### ***2.3.1. Livelihood activities before resettlement***

Like other central provinces and cities, the traditional livelihood activities of Da Nang residents include quite a variety of occupations in the fields of agriculture, forestry, fishery, handicrafts, services,

etc. in which agriculture and fishery play the most important role. Livelihood activities of resettled residents in Da Nang city before relocation and resettlement include the following three groups: Agricultural and handicraft livelihood activities of resettled residents in the new urban area; Commercial, service and industrial livelihood activities of residents in urban core areas; Livelihood activities associated with agriculture and fishery.

### ***2.3.2. Livelihood activities after resettlement***

Livelihoods are activities carried out to ensure subsistence, in reality these activities are much richer and more diverse. The actual survey and survey of a number of resettlement areas in Da Nang shows that in addition to the traditional livelihoods trying to maintain are agriculture and fishery, livelihood activities associated with services, sales, crafts. jobs, construction jobs, motorbike taxis, domestic help, babysitting, maids, workers, mechanics, motorbike repair, car wash, freelance, "touch" (doing anything)...

Livelihood activities of resettlement residents in Da Nang city after relocation and resettlement include the following six groups: Livelihood activities associated with agriculture and fishery; Livelihood activities associated with technical labor and workers; Livelihood activities associated with craft and construction industries; Livelihood activities associated with the service industry of assembling and operating machinery and equipment; Livelihood activities associated with trading and providing services; Livelihood activities associated with simple work.

## **CHAPTER 3 ADAPTABLE LIVELIHOODS OF RESIDENTS IN RESETTLEMENT AREA IN DA NANG CITY**

### **3.1. Subject of adaptive livelihood**

Residents resettled in Da Nang as subjects of adaptive livelihoods, possessing the characteristics of groups of people whose land and structures have been acquired, and physically displaced. Although these groups of people are relatively similar in terms of life changes, the subjects of resettlement in each resettlement area include urban core areas, new urban areas and urban areas. Coastal cities have different characteristics of human capital, social capital, natural capital, physical capital and financial capital.

### **3.2. Subjects and adaptation agents**

Livelihood subjects carrying the above characteristics must make appropriate adjustments to the new environment. That adjustment is to adapt to the two main factors affecting the livelihoods of resettled residents, which are market factors and State policies. Thus, this group of factors is both an object and an agent of adaptation.

The labor market and the State's policies are two factors that are both separate and connected. They are reflected in the economic structure, capital structure, and labor structure of Da Nang today, in which the economic structure and capital structure represent the economic development guidelines and policies of the city and are the determinants of the labor market. However, the labor market is still relatively independent because of its dynamism, especially the freelance labor market.

### **3.3. Adaptive livelihood model**

The presentations and analyzes in the previous sections have answered the question of who adapts and to what. In addition, these data allow to approach and interpret the characteristics of adaptation to answer the question of how to adapt. Since adaptation is distinguished as being proactive or planned, occurring in natural or social systems, predictive or reactive, and taking technical, institutional or behavioral forms, adaptation as How depends on both the process of adaptation and the form of adaptation and its results, thereby showing the characteristics of adaptation.

On the basis of the survey of post-settlement livelihoods in Da Nang city and the opinions and theories given, we grouped the adaptive livelihoods of Da Nang resettlers into three adaptive livelihood models, and on In fact, all three models have both overlapping and transitional relationships. These three models are: Primary adaptive livelihoods, Variant adaptive livelihoods, and multivariate adaptive livelihoods.

- Indigenous adaptive livelihoods: are old livelihood activities that are retained and continue to be maintained. These livelihoods are subject to a part of resettled residents who are not affected or insignificantly affected by relocation and resettlement policies. Specifically, those who are salaried in both the public and private sectors continue their old occupations.

- Variant adaptive livelihoods: Livelihoods that are completely replaced by other livelihoods. These livelihoods are subject to a part of resettled residents in Da Nang whose production land has been completely or partially recovered, changed in farming, production, trading,... in their living areas. me. This is a popular adaptive livelihood model in the post-settlement livelihoods in Da Nang city, reflected in the decreasing trend in the rate of agricultural production after resettlement and an increase in the group of self-employed, trading and worker,...

- Diversity of adaptive livelihoods can be understood similarly to diversification of livelihoods. Livelihood diversification is the process by which a household selects and adopts a new activity but does not replace an existing one. Livelihood diversity is defined as the process by which households develop and implement a diverse portfolio of activities with the support of society in order to survive and improve their standard of living.... Diversity of livelihoods refers to the efforts of individuals and households to find new ways to increase income and reduce risks from environmental impacts...

## **CHAPTER 4**

### **ADAPTABILITY AND SOME MOTIVATIONS TO INCREASE ADAPTABILITY IN THE LIVELIHOOD OF RESETTLEMENTED RESIDENTS IN DA NANG CITY**

#### **4.1. Adaptability**

Meaning is flexibility before changes, more clearly, adaptation is the flexible use of internal capital and flexibility, flexibility to external actors, namely the labor market, demand market labor. To assess adaptive livelihoods, the research is based on the following criteria: (1) The position of livelihood activities in the current labor market and problems arising in the current livelihoods of resettled residents; (2) The application of capital to livelihood activities to create new livelihoods or maintain old livelihoods or diversify livelihoods. This content is made based on groups of livelihood activities through quantitative and qualitative research from interviews with people and qualitative research based on the assessment of experts and managers. This contributes to the research

that best reflects the adaptability in the context of industrialization and modernization.

Adaptability is discussed in each group of livelihood activities: Livelihood activities associated with agriculture and fishery; Livelihood activities associated with technical labor and workers; Livelihood activities associated with craft and construction industries; Livelihood activities associated with assembling and operating machinery and equipment services; Livelihood activities associated with trading and providing services; Livelihood activities associated with simple work.

## **4.2. Factors affecting adaptive livelihoods of resettled residents in Da Nang**

### ***4.2.1. Guidelines and policies of the Da Nang city government for local socio-economic issues***

The adaptive livelihood structure and adaptability of resettlement residents in Da Nang mentioned above not only show the nature and degree of flexibility of the subject but also show the imprint and role of policies in adaptive livelihoods. Adaptation assessment means to conform (or fit some purpose) because change (or adjustment) has two important roles, one is to consider it as a part of impact assessment. , one is considered as part of the policy evaluation.

Currently and in the next ten years, the development orientation of Da Nang city is based on the issued decisions, such as Resolution No. 43-NQ/TW dated January 24, 2019 of the Politburo, Decision No. 359/QD-TTg of the Prime Minister dated March 15, 2021 approving the adjustment of the general planning of Da Nang city to 2030, with a vision to 2045, Resolution No. 119/2020/QH14 dated 19 June 2020 of the National Assembly on the pilot organization of an urban government model and a number of specific mechanisms and policies for the development of Da Nang city... The spirit of these legal documents plays a role core and throughout the time to Da Nang citadel.

### ***4.2.2. Labor market fluctuations in the era of industrial revolution 4.0 in Da Nang city***

Industry 4.0 with new business methods and new technologies to redefine production, consumption, transportation and distribution systems is evolving rapidly, with breakthroughs, far-reaching and multi-dimensional impacts on a global scale. bridge. Digital technology will promote the development of the digital economy and digital society, changing state management methods, production and

business models, consumption and cultural and social life. In Vietnam in general and Da Nang city in particular,

#### ***4.2.3. Domestic and international context***

Growth prospects of Vietnam in general and Da Nang city in particular continue to be influenced by global economic trends, mainly the process of economic globalization through a series of trade agreements, multilateral and bilateral that Vietnam is a signatory. Weak international economic integration will bring many opportunities, economic benefits as well as many challenges and risks for Vietnam and Da Nang.

#### **4.3. Some motivations to increase adaptability in the livelihoods of resettled residents in Da Nang city**

From an individual perspective or to the resettlement community, a livelihood development strategy is a focus on finding and discovering opportunities for advancement in society, by promoting one's own strengths in different areas of life, relationships with factors that affect themselves and the social community they live in. Strategic thinking is a way to invest in the future, turn the future into reality by recognizing the characteristics of yourself from the past to the present and foreseeing the future. That strategy must apply and combine the human, physical, financial, natural and social capital resources in an appropriate and practical way for the resettlement communities. Particularly for the resettlement communities in Da Nang city with the characteristics and characteristics as analyzed above, from the objective advantages brought and the subjective limitations that dominate, the researcher believes that there should be a strategy to focus into two sources of human capital and social capital.

## CONCLUSION

1. Many people resettlement residents have carried out a number of six livelihood activities, including: livelihood activities associated with occupations, livelihood activities associated with technical and worker workers, and livelihood activities associated with handicrafts. and construction, livelihood activities associated with assembly of vocational services, operation of machinery and equipment, and livelihood activities associated with trading and service provision. These livelihood activities takes place in the predecessor of industrialization and modernization, with the characteristics of Da Nang's resettlement population in three areas: urban core area, new urban area, coastal urban area and acquired resources. Although the capital scope in Boudieu's theory includes only three factors including social capital, cultural capital and economic capital, it is not safe to evaluate urban livelihoods rather than planned livelihoods. countryside. the importance of natural origin. However, to evaluate the birth choice of the population of Da Nang city, the three-source background on Boudieu is incomplete. The practical approach shows that Da Nang urban area, including coastal resettled population, has always followed the sea as a plan, so natural capital has a decisive imprint on the birth of the population's plan, even if the capital. He is not own own a own of the fish Resettlement people or households, whatever. Therefore, DFID's livelihood theory with five sources of capital that generates the plan, defines constraints (natural capital, social capital, human capital, physical capital and main capital) additionally. add an effect basis for the assessment of livelihood options of the resettled population in Da Nang city.

Boudieu's two theories and a DFID serve as the foundation for assessing the livelihoods of resettled residents in Da Nang city and stop at that role. The results of fieldwork and assessment of capital and livelihood activities in the resettlement areas of Da Nang city over the past two decades, show many problems about the applied livelihoods of the current resettled population. This thing is need to view under the angle of theory like, those who explain applied concepts and other concepts like restoration, transformation... to see the status, nature, characteristics of the applied livelihoods. used, as a basis for the development orientation in the coming time for resettlement areas in Da Nang city. Therefore, applying the theory to the PhD student, the application plan poses a requirement for the

complementarity of disability between the theories to create the content Research on functional issues.

2. The process of industrialization and modernization in Da Nang is not only the cause of the resettlement situation but also the living environment after resettlement. This environment, on the one hand, creates opportunities and on the other hand brings challenges in the process of finding, adapting and maintaining livelihoods of resettled residents. Along with the process of industrialization and modernization, the work of clearing, relocation and resettlement is also a long process carried out from the founding of the city until now. During that journey, each stage has different plans for clearance, compensation, and livelihood policies of the Da Nang city government for resettled residents. It is this difference that leads to different livelihoods of resettled residents at each time. In which, adaptive livelihoods are evaluated based on aspects associated with adaptive subjects, objects, adaptive agents, and adaptation models. These three factors can be considered as the basic structure of adaptive livelihoods. The subject of adaptive livelihood has the characteristics of capital sources, that subject adapts to the subject and the adaptive agent is the State's policies and the labor market, expressed in forms and models including: monomorphic adaptation, variant adaptation, and polymorphic adaptation.

The livelihood capital sources are the main livelihood characteristics of the adaptor In the three aspects of adaptive livelihoods mentioned above. Such capital sources are assessed on five main sources of livelihood capital. After resettlement, most capital sources changed. For each resettlement resident, the role of capital sources has a different impact on their livelihood. Natural capital related to land is the capital that is frequently mentioned by the social community as the most important source of capital, but after resettlement, it has reduced its role in the livelihoods of the majority of resettlement residents. . Over time, it is becoming more and more obvious that the shrinking influence and importance of land in terms of both extent and intensity of coverage on the livelihoods of resettled residents. This creates a different point in the adaptive livelihoods of Da Nang resettlement residents compared to some other localities. Meanwhile, natural capital related to fishery resources is still an essential source of capital for fishermen. Besides, a large part of other capital sources including financial capital, physical capital, social capital... are also different in each



resettlement resident. This reflects that the post-settlement livelihood capital of Danang residents is not as homogeneous as that of some other resettlement communities.

After resettlement, with heterogeneous capital sources, the livelihood activities of resettled residents do not fully reflect the structural components of economic sectors. However, these livelihood activities are basically encapsulated in three adaptive livelihood models, including the original adaptive livelihood model, the variant adaptive livelihood model and the variable adaptive livelihood model. Polymorphism. Diversity livelihood model is a combined livelihood model of two primary and variant models. These livelihood models reflect the appearance of resettlement areas - part of Danang urban area, in transition with flexible and responsive livelihood characteristics. It creates a picture of post-settlement livelihoods of Da Nang city which is diverse, with the presence of both traditional and modern livelihoods, multi-sectoral, multi-vocational and multi-functional livelihoods.

Among the three livelihood models in resettlement communities in Da Nang city, the diversified livelihood model is the most common and typical, demonstrating the diversification in livelihoods both in terms of space and scope of occupation. In terms of space, in the context of industrialization and modernization of Da Nang city, livelihoods are becoming "non-localized"; In terms of occupations, livelihoods go beyond traditional livelihoods, typically agro-forestry-fishery.

Basically, adaptive livelihood models of Da Nang resettlement residents show the characteristics of re-establishment, transformation or adjustment. The three adaptive livelihood models each have their own advantages and disadvantages. Although it is not possible to determine which model is more successful than the other, this is also the basis for recognizing and analyzing the livelihood adaptation capabilities of resettled residents in Da Nang city.

**3.** However, it is not easy to assess the livelihood adaptability of resettled residents in Da Nang city. Quantitative and qualitative data show that livelihood activities can be considered appropriate for resettled residents in one area but not for resettled residents in the other. Moreover, that adaptability is not fixed but can be adjusted over time in response to factors affecting from domestic and international contexts to policy and market factors.

Faced with the reality of the process of livelihood transformation, many shortcomings and limitations arise. In order to enhance adaptation, adaptation strategies need to be devised for each group of stakeholders, from the state to the community, residents and the resettlement people themselves. Although the livelihoods of resettled residents are affected by many sources of capital, the livelihood strategy especially emphasizes the policy on human factors and social relations, aiming at the ability to maintain or enhance the capacity of the population. Livelihoods for resettlement residents, ensuring stability and sustainable development, thereby contributing efforts to the cause of industrialization and modernization of Da Nang city.

While the livelihood development strategies of the Da Nang government for resettled residents are universal, the livelihood development strategies of the resettlement residents themselves need specificity. Both Da Nang city government and resettled residents have strategies to target human capital through training plans, skills practice, and experience transfer. However, resettlement residents in Da Nang are more interested in investing in social capital, due to the habit of the village community. The livelihood strategy has little to do with natural capital and physical capital, because natural capital is determined to be immutable. Meanwhile, for physical capital, in terms of architectural infrastructure, Da Nang city government has invested in resettlement areas, in terms of housing, equipment, etc., but hardly plays a role in creating livelihoods for resettled residents in Da Nang city.

4. Therefore, in order to enhance the adaptability of the livelihoods of Da Nang resettlement residents, from the above research results, the researcher proposes a number of recommendations to the Da Nang city government, specifically as follows:

Firstly, along with the policy of clearing, compensating and arranging resettlement, Da Nang city needs to have a policy to support vocational training, change occupations, and create jobs for workers in different regions. More concrete and practical resettlement areas. It is possible to develop a package of support policies for resettled households, including policies on vocational training, employment, finance, and social insurance regimes for resettled people. These policies have an organic and complementary relationship and must be planned and implemented at the same time from the planning and approval of the plan to the organization of

relocation, resettlement, and life stabilization. Even for some resettled households who mainly depend on land and agricultural occupations, policies on job change, vocational training and job creation must be developed before proceeding with the relocation plan. , clearance and recovery of production land.

Secondly, when a project is implemented, it is necessary to organize ethnographic studies to find out enough information on socio-economic, family aspirations, and even organize contacts to disseminate political information. policies on appropriate clearance, compensation, and resettlement arrangements, as well as a basis for career orientation and suitable employment. After resettlement, it is necessary to conduct surveys and statistics on the number of workers in the resettlement and resettlement areas, to classify the workers' age, gender, educational level, professional qualifications, and employment status. activities in each household to fully grasp information about the needs of changing occupations, thereby developing appropriate vocational training and job creation plans.

Thirdly, Da Nang city needs to disseminate information, raise awareness about people's livelihood, help people access information on vocational training, employment, and credit through topics of the media. mass media (Da Nang Radio and Television Station, District Radio).

Fourthly, it is necessary to strengthen mass mobilization work through the front, associations and mass organizations to help people realize that they need to be more active and motivated in finding and developing livelihoods for themselves. relatives and family, avoid relying on the State and outside support; Encourage them to develop their own production, expand the production of goods, trade and services; To guide the management and use of compensation and support capital, and to help people use the compensation money for vocational training, production training, production investment, or deposit it in a bank to create financial capital for them. In addition, it is necessary to propagate, mobilize, and call on people in the residential area to help each other such as lending, renting premises at low prices, exchanging experiences, transmitting handicrafts, handicrafts, and services. , product consumption, job introduction, helping liberated households have more job opportunities, experience in production and business, create new jobs.

## **LIST OF THE AUTHOR'S PUBLISHED ARTICLES**

1. Lu Thuy Lien (2017), "Awareness and access to legal assistance channels of poor and ethnic minority resettled in the city of Da Nang", Hue University Journal of Science, Social Sciences and Humanities Issue (ISSN 2588 - 1213), Volume 126, No. 6b, Hue University..
2. Lu Thuy Lien (2017), "Impacts of social security policy on the livelihoods of people who were resettled in Danang city", Review of Danang Socio-Economic Development (ISSN 1859 – 3437), No. 95, Danang's Administrative Center.
3. Lu Thuy Lien (2018), "Social welfare policy after resettlement in Danang city - considering livelihood problems", Journal of Science and Technology, Issues in Social Science and Humanity (ISSN 2354-0850), Volume 11, No. 2. Hue University of Science.
4. Lu Thuy Lien (2017), "Impact of inhabitant transfer on lifestyle of inhabitant in Coastal Region of Danang", Review of Danang Socio-Economic Development (ISSN 1859 – 3437), No. 96, Danang's Administrative Center.
5. Lu Thuy Lien (2018), Relation between urbanization and cultural development of Danang city, Review of Socio-Economic Development (ISSN 1859 - 3437), No. 98, Danang's Administrative Center.
6. Lu Thuy Lien (2018) Building a livable city for Da Nang - Opportunities and challenges from immigration perspective Da Nang Journal of Socio-Economic Development No. 116/2018, Review of Socio-Economic Development (ISSN 1859 - 3437), No. 98, Danang's Administrative Center.
7. Lu Thuy Lien (2018), Using human capital and social capital in livelihood strategy of Displaced Households in Danang, 133/2018, Review of Socio-Economic Development (ISSN 1859 - 3437), No. 98, Danang's Administrative Center.
8. Lu Thuy Lien (2021.) The impact of urbanization on livelihoods and traditional culture, life style of Da Nang coastal people, Journal of ethnic minorities research (ISSN 0866 - 773X), Volume 10, Issue 2.
9. Lu Thuy Lien (2022) Livelihood resources and resettlement policies in Da Nang City - Current situation and recommendations, Scientific Journal of Saigon University (ISSN 1856-3208) Journal of Science Saigon University, No. 79, Saigon University.